

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.**

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

## **BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU KÈM THEO SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**



**HANOI STOCK EXCHANGE**  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

#### **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3 941 2626 Fax: (024) 3 934 7818

### **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**



#### **CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ  
Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 38541164 Fax: (024) 38541161

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐẤU GIÁ**



#### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3936 6425 Fax: (024) 39360262

Tháng 11 /2017

# THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

## 1. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổng công ty Sông Đà : **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**
  - Tên giao dịch quốc tế : SONG DA CORPORATION
  - Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại : (024) 38541164 Fax: (024) 38541161
  - Ngành nghề kinh doanh chính : Tổng thầu xây lắp (*tổng thầu EPC*) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm.
  - Người đại diện trước pháp luật : Ông Hồ Văn Dũng – Tổng giám đốc
  - Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 4.500.000.000.000 đồng
  - Tổng số lượng cổ phần : 450.000.000 cổ phần
  - Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Trong đó*
- Số cổ phần Nhà nước nắm giữ* : 229.500.000 cổ phần (*chiếm 51% vốn điều lệ*)
  - Số cổ phần bán cho CBCNV* : 822.000 cổ phần (*chiếm 0,18% vốn điều lệ*)
  - Số cổ phần đấu giá công khai* : 219.678.000 cổ phần (*chiếm 48,82% vốn điều lệ*)

## 2. THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG

- Tổ chức chào bán : Tổng công ty Sông Đà
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Tổng công ty Sông Đà
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 219.678.000 cổ phần (*chiếm 48,82% vốn điều lệ*)
- Phương thức chào bán : Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm : 11.000 đồng/cổ phần

## 3. TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ

### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - VCBS

- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3936 6425 Fax: (024) 3936 0262
- Website: [www.vCBS.com.vn](http://www.vCBS.com.vn)

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh .....	6
Bảng 2: Danh sách Công ty con, công ty liên kết và Công ty có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.....	11
Bảng 3: Các mốc lịch sử và thành tựu của Tổng công ty Sông Đà .....	16
Bảng 4: Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	17
Bảng 5: Kế hoạch sắp xếp lao động .....	18
Bảng 6: Cơ cấu lao động .....	19
Bảng 7: Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa .....	20
Bảng 8: Tài sản cố định hữu hình Công ty mẹ.....	22
Bảng 9: Tài sản cố định Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà.....	23
Bảng 10: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ.....	35
Bảng 12: Cơ cấu doanh thu Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà .....	36
Bảng 13: Cơ cấu doanh thu hợp nhất .....	37
Bảng 14: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ .....	38
Bảng 15: Cơ cấu chi phí Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà.....	38
Bảng 16: Cơ cấu chi phí hợp nhất.....	39
Bảng 17: Một số dự án nhà máy điện Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện .....	41
Bảng 18: Một số công trình đường dây và trạm biến áp Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện.....	43
Bảng 19: Một số dự án nhà máy sản xuất VLXD, VLTD Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện .....	44
Bảng 20: Một số công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện.....	45
Bảng 21: Một số công trình xây dựng cảng và đường Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện .....	45
Bảng 22: Một số dự án hệ thống cung cấp nước sạch và thủy nông Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện.....	47
Bảng 23: Một số Dự án lắp đặt thiết bị Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện .....	47
Bảng 24: Cơ cấu tài sản Công ty mẹ .....	48
Bảng 25: Cơ cấu tài sản Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà .....	49
Bảng 26: Cơ cấu tài sản hợp nhất.....	50
Bảng 27: Cơ cấu nguồn vốn Công ty mẹ .....	51
Bảng 28: Cơ cấu nguồn vốn Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà.....	51
Bảng 29: Cơ cấu nguồn vốn Tổng công ty Sông Đà .....	52
Bảng 30: Chỉ tiêu hiệu quả tài chính Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà .....	53
Bảng 31: Chỉ tiêu hiệu quả tài chính Công ty mẹ.....	54
Bảng 32: Chi tiết danh sách các công ty con, công ty liên kết và công ty góp vốn của Tổng công ty sau cổ phần hóa.....	66
Bảng 33: Kế hoạch đầu tư phát triển sau cổ phần hóa .....	72
Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa.....	75
Bảng 35: Kế hoạch sản lượng Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa.....	77
Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa .....	79
Bảng 37: Phương án sử dụng đất Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà.....	86
Bảng 38: Dự toán chi phí cổ phần hóa .....	92
Bảng 39: Quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa .....	92

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT BÁN ĐÁU GIÁ**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần; Thông tư số 115/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần
- Nghị quyết 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Tổng công ty Sông Đà trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Tổng công ty Sông Đà trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-BXD ngày 15/1/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án “Tái cấu trúc Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến năm 2020”;
- Căn cứ Quyết định số 687/TTg –ĐMDN ngày 14/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Công văn số 1101/BXD-QLDN ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc kế hoạch cổ phần hóa các DN thuộc Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Quyết định 1254/QĐ-BXD ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Thực hiện cổ phần hóa và phê duyệt Kế hoạch cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-BXD ngày 24/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-BXD ngày 14/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-BCĐ ngày 2/7/2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà; Quyết định số 846/QĐ-BCĐ ngày 30/8/2016 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà; Quyết định số 758/QĐ-BCĐ ngày 12/7/2017 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà Thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa.
- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-BXD ngày 14/1/2015 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh kế hoạch cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 08/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà; Quyết định số 1138/QĐ-BXD ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.
- Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 07/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ - TCT Sông Đà;

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Văn bản số 8976/VPCP-ĐMDN ngày 23/08/2017 của Chính phủ về việc sử dụng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty Sông Đà;
- Văn bản số 1478/TTg-ĐMDN ngày 29/09/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Quyết định số 1152/QĐ-BXD ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thực hiện bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà;
- Căn cứ các tài liệu có liên quan khác.

### 2. Các bên chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản Công bố thông tin

#### 2.1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Bùi Phạm Khánh	Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Trưởng ban
2	Ông Đặng Văn Long	Vụ trưởng Kế hoạch Tài chính Bộ Xây dựng - Phó trưởng ban
3	Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà - Phó trưởng ban
4	Ông Đậu Minh Thanh	Vụ trưởng Vụ quản lý Doanh nghiệp Bộ Xây dựng – Thành viên
5	Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - Thành viên
6	Ông Hà Mạnh Hoạt	Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ Bộ Xây dựng - Thành viên
7	Ông Lê Đông Thành	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính Bộ Xây dựng - Thành viên
8	Ông Đặng Thái Quý	Trưởng phòng Nghiệp vụ 2, Cục Tài chính doanh nghiệp Bộ Tài chính - Thành viên

Tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1152/QĐ-BXD ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thực hiện bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà: "Ông Đậu Minh Thanh – Vụ trưởng Vụ Quản lý Doanh nghiệp – Bộ Xây dựng có trách nhiệm thay mặt Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký đơn Đăng ký bán đấu giá, Bản công bố thông tin và các hồ sơ khác có liên quan đến việc bán cổ phần lần đầu"

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập, đã được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa rà soát và thông qua, đảm bảo theo đúng phương án cổ phần hóa, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và các hồ sơ liên quan.

#### 2.2. Doanh nghiệp cổ phần hóa:

- Ông Dương Khánh Toàn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Ông Phạm Văn Việt Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công

ty Sông Đà trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, kết quả hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà.

### **2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá**

- Ông **Lê Mạnh Hùng** Chức vụ: Giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa Tổng công ty Sông Đà và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và các thông tin số liệu do Tổng công ty Sông Đà cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Sông Đà cung cấp.

### **3. Các khái niệm**

BCĐ	:	Ban Chỉ đạo
BCKT	:	Báo cáo kiểm toán
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CBTT	:	Công bố thông tin
CNĐKDN	:	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CTCP	:	Công ty cổ phần
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Cty	:	Công ty
CPH	:	Cổ phần hóa
CSH	:	Chủ sở hữu
CPI	:	Chỉ số giá tiêu dùng
DT/DTT	:	Doanh thu/Doanh thu thuần
ĐTPT	:	Đầu tư phát triển
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
FDI	:	Foreign Direct Investment – Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	:	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
GTGT	:	Giá trị gia tăng
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
HDQT	:	Hội đồng quản trị
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
HĐTV	:	Hội đồng thành viên

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

KHKD	:	Kế hoạch kinh doanh
LDLK	:	Liên doanh liên kết
LNTT/LNST	:	Lợi nhuận trước thuế/ Lợi nhuận sau thuế
ROA	:	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE	:	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
ISO	:	International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
TMCP	:	Thương mại cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TTS	:	Tổng tài sản
Tổng công ty	:	Tổng công ty Sông Đà
TPP	:	Trans – Pacific Partnership – Hiệp định Đối tác Thương mại xuyên Thái Bình Dương
VCBS	:	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
VNĐ	:	Việt Nam Đồng
USD	:	Đô la Mỹ
UBND	:	Ủy ban Nhân dân


## II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### 1. Giới thiệu về Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà

Tên gọi bằng tiếng Việt Nam	:	<b>TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ</b>
Tên viết tắt bằng tiếng Việt Nam	:	<b>SÔNG ĐÀ</b>
Tên giao dịch quốc tế	:	<b>SONG DA CORPORATION</b>
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	:	<b>SONG DA</b>
Trụ sở chính	:	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	:	(84-24) 38541164
Fax	:	(84-24) 38541161
Website	:	<a href="http://www.songda.vn">www.songda.vn</a>
Email	:	<a href="mailto:banbientap@songda.vn">banbientap@songda.vn</a>



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

- Biểu trưng (logo) : 
- Vốn điều lệ : 4.276.000.000.000 đồng (Bốn nghìn hai trăm bảy mươi sáu tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/4/2015.
- Mã số thuế : 0100105870

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/4/2015, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngành; - Thi công và xử lý nền móng công trình;	4290 (Chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;	3510
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;	3320
5	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2392
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng	4663
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; - Cho thuê văn phòng	6810
8	Đóng tàu và cầu kiện nổi (Trừ thiết kế phương tiện vận tải)	3011

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;	3315
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;	7110
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;	7210
14	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;	8532
15	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);	7830
16	Đại lý du lịch	7911
17	Điều hành tua du lịch	7912
18	Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	55101
19	Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn;	4311
20	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (Ngày 12/03/2012: Chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Tập đoàn Sông Đà theo Quyết định số 976/QĐ-TT ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ) (Tổng công ty Sông Đà được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số: 937/QĐ-BXD ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**3. Quá trình hình thành và phát triển**

Tổng công ty Sông Đà là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng được thành lập ngày 01 tháng 6 năm 1961 với tên gọi ban đầu là Ban chỉ huy Công trường Thủy điện Thác Bà, sau đổi thành Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà với nhiệm vụ chính của đơn vị lúc đó là xây dựng công trình thủy điện đầu tiên tại Việt Nam - Nhà máy Thủy điện Thác Bà có công suất

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

110MW.

Từ năm 1979 - 1994, Tổng công ty Sông Đà tham gia xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hoà Bình công suất 1.920 MW. Ngày 15 tháng 11 năm 1995, theo Quyết định số 966/BXD-TCCB của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng công ty Sông Đà được thành lập lại theo mô hình Tổng công ty 90 với tên gọi là Tổng công ty Xây dựng Sông Đà. Ngày 11 tháng 3 năm 2002, theo Quyết định số 285/QĐ-Bộ Xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng công ty Xây dựng Sông Đà đã được đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Lịch sử phát triển của Tổng công ty Sông Đà gắn liền với các công trình thủy điện, công nghiệp và giao thông trọng điểm của đất nước mà Tổng công ty đã và đang thi công. Đó là các nhà máy thủy điện Thác Bà (110MW), Hoà Bình (1.920MW), Trị An (400MW), Vĩnh Sơn (66MW), Yaly (720 MW), Sê San 3 (273MW), Tuyên Quang (342 MW), Sơn La (2.400 MW)...; Đường dây 500KV Bắc - Nam; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Nhà máy dệt Minh Phương, Nhà máy xi măng Bút Sơn; Đường cao tốc Láng - Hoà Lạc, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, Quốc lộ 18, đường Hồ Chí Minh, Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân...

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty Sông Đà đã trở thành một Tổng công ty xây dựng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện. Từ một đơn vị nhỏ chuyên về xây dựng thủy điện, đến nay Tổng công ty Sông Đà đã phát triển với nhiều đơn vị thành viên hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước và trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, kinh doanh điện thương phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp và đô thị, tư vấn xây dựng, xuất nhập khẩu lao động và vật tư, thiết bị công nghệ cùng nhiều lĩnh vực kinh doanh khác.

Từ năm 2000, Tổ hợp công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và các công ty con, công ty liên kết đã nghiên cứu và triển khai đầu tư một loạt các nhà máy thủy điện với qui mô vừa và nhỏ, các dự án sản xuất xi măng, sắt thép, các khu đô thị và công nghiệp... Đó là các nhà máy thủy điện Ry Ninh II (8,1MW), Nà Loi (9,3 MW), Cần Đơn (80MW), Nậm Mu (15MW), Sê San 3A (100MW), Nậm Chiến (220MW), Xekaman 3 (250MW)..., Nhà máy thép Việt - Ý (250.000 tấn/năm), Nhà máy xi măng Hạ Long (2,2 triệu tấn/năm), Hàm đường bộ qua đèo Ngang, Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mỹ Trì... Đến nay, các nhà máy thủy điện như: Ry Ninh 2, Nà Loi, Thác Trắng, IaKrongrou, Nậm Mu, Cần Đơn, Nhà máy thép Việt - Ý đã đi vào hoạt động góp phần tăng đáng kể tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Tổng công ty Sông Đà.

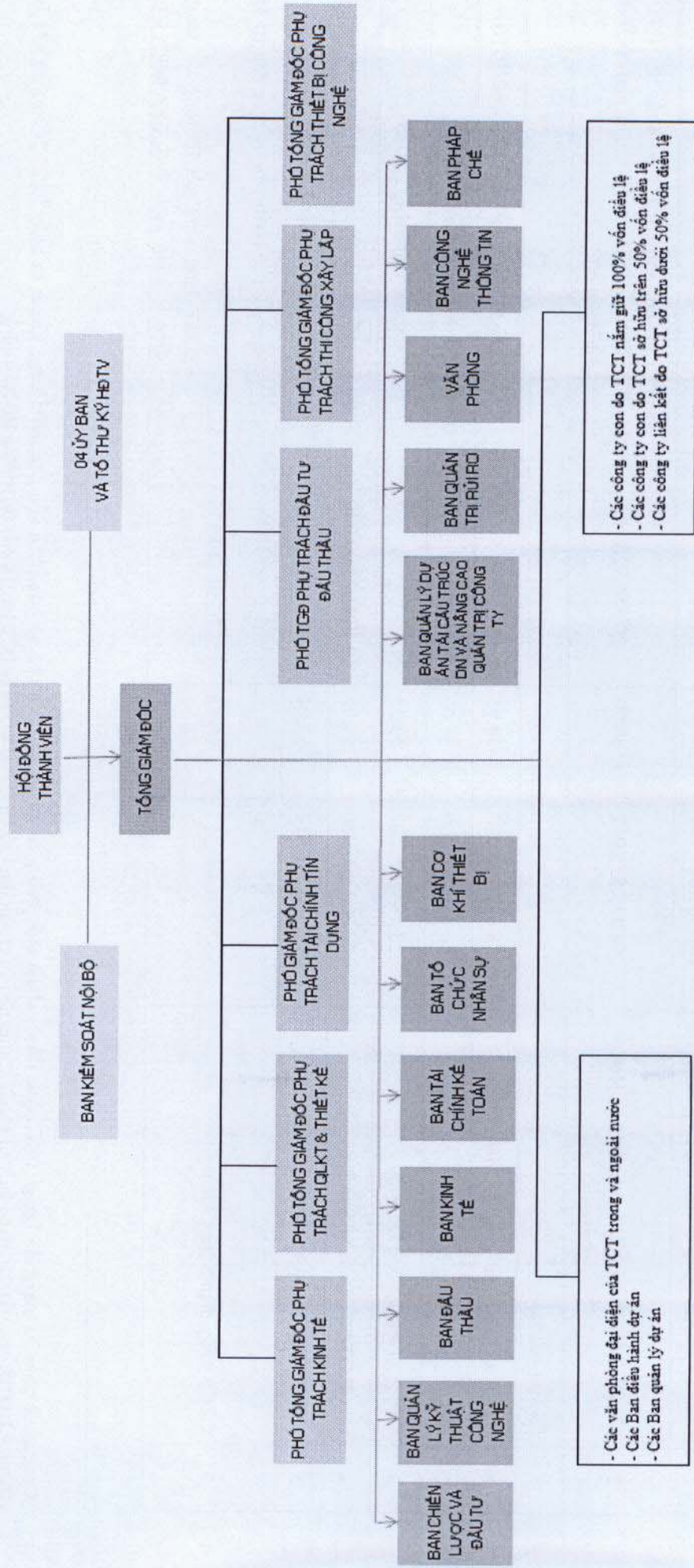
Về tổ chức của Tổng công ty Sông Đà: ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Xây dựng có Quyết định số 937/QĐ-BXD về việc thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà. Cơ cấu tổ chức hiện tại của công ty mẹ gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc.

Trong kế hoạch phát triển dài hạn của mình, Tổng công ty Sông Đà phấn đấu trở thành Tổng công ty xây dựng mạnh hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực, cam kết phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội cao nhất, góp phần sự nghiệp phát triển của đất nước.

**4. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Tổng công ty Sông Đà trước khi cổ phần hóa**

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty mẹ - Tổng công ty như sau:

Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà



(Ghi chú: 04 Ủy ban bao gồm: Chiến lược/tài chính; Quản trị rủi ro; Kiểm soát; Nhân sự.)

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**Bảng 2: Danh sách Công ty con, công ty liên kết và Công ty có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư tại 31/12/2014 (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Vốn đầu tư đến 30/6/2017(VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
<i>a</i>	<i>Sở hữu 100%</i>					
1	Công ty TNHH I thành viên Hạ tầng Sông Đà	161.307.047.149	100,00	161.307.047.149	100,00	
2	Công ty cổ phần phát triển nhà Khánh Hòa	69.405.575.947	100,00	20.886.926.400	36,00	Chuyển sang công ty cổ phần từ 01.7.2016, đã được BXD chấp thuận cho TCT thoái vốn toàn bộ
<i>b</i>	<i>Sở hữu &gt;50%</i>					
1	CTCP Xi măng Hạ Long <sup>1</sup> (XMHL)	578.692.300.000	58,93	0	0	Đã bàn giao cho Vicem tháng 2/2016
2	CTCP Simco Sông Đà	46.410.000.000	51,00	0	0	Đã thoái vốn tháng 4.2015
3	CTCP Xi măng Sông Đà Yaly	23.484.931.507	53,33	0	0	Đã thoái vốn tháng 2.2015
4	CTCP ĐT&PT Điện Sê San 3A	142.800.000.000	51,00	142.800.000.000	51,00	
5	CTCP Thép Việt - Ý	271.360.736.917	53,04	0	0	Đã thoái vốn tháng 8.2016
7	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	557.250.449.375	58,58	557.250.449.375	58,58	Bao gồm cả phần vốn ủy thác đầu tư 38,718 tỷ đồng. BXD đang xem xét Phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phần

<sup>1</sup> Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long: TCT Sông Đà đã chính thức bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước sang Vicem từ ngày 03/02/2016 theo văn bản số 33/VPCP-DMDN ngày 07/01/2016 của Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư tại 31/12/2014 (VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Vốn đầu tư đến 30/6/2017(VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Ghi chú
						riêng lẻ
8	CTCP Thủy điện Cản Đơn	195.182.948.404	50,96	195.182.948.404	50,96	
9	CTCP Sông Đà 5	201.908.800.000	64,16	201.908.800.000	64,16	
10	CTCP Tư vấn Sông Đà	9.289.363.562	51,01	9.289.363.562	51,01	
11	CTCP Sông Đà 10	268.343.698.000	62,27	268.343.698.000	62,27	
12	CTCP Sông Đà 9	195.227.660.440	58,50	216.685.100.440	58,50	
13	CTCP Sông Đà 6	193.378.247.507	65,00	193.378.247.507	65,00	
14	CTCP Sông Đà 3	82.937.094.187	51,00	82.937.094.187	51,00	
15	CTCP Sông Đà 4	65.703.263.029	65,00	65.703.263.029	65,00	
16	CTCP PCCC & ĐTXD Sông Đà	12.750.000.000	51,00	12.750.000.000	51,00	
17	CTCP TD Hương Sơn	173.994.000.000	60,92	163.351.500.000	57,19	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn (bao gồm vốn ủy thác đầu tư 9,507 tỷ đồng)
19	CTCP Sông Đà Hà Nội	22.000.000.000	55,00	0	0	Đã thoái vốn tháng 4.2016
c	Sở hữu <50% nhưng có quyền biểu quyết đa số					
1	CTCP Sông Đà 12	24.500.000.000	49,00	24.500.000.000	49,00	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
2	CTCP Sông Đà 2	57.272.797.994	40,77	57.272.797.994	40,77	
3	CTCP Điện Việt – Lào	1.097.658.050.909	44,77	1.097.658.050.909	44,77	
4	CTCP Cơ khí lắp máy Sông Đà (Someco Sông Đà)	39.985.986.741	46,15	39.985.986.741	46,15	

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư tại 31/12/2014 (VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Vốn đầu tư đến 30/6/2017(VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>					
1	CTCP BOT Quốc lộ 2	44.700.000.000	28,7	44.700.000.000	28,7	
2	CTCP Đầu tư XD&PT đô thị Sông Đà (SDU)	90.000.000.000	30	90.000.000.000	30	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
3	CTCP Thủy điện Bình Điện	31.929.000.000	20,6	0	0	Đã thoái vốn tháng 1.2016
5	CTCP Sông Đà 25	18.227.971.507	43,2	0	0	Đã thoái vốn tháng 6.2015
6	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.782.968.647	50,00	1.782.968.647	50,00	
7	CTCP Xi măng Sông Đà	7.517.000.000	30,00	0	0	Đã thoái vốn tháng 2.2015
8	CTCP cao su Phú Riềng – Kratie	100.000.000.000	25	100.000.000.000	25	Bao gồm cả phần vốn ủy thác đầu tư 9,4 tỷ đồng
9	CTCP Sông Đà 11	28.212.000.000	26,86	28.212.000.000	26,86	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
10	CTCP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà (SUDICO)	333.904.845.544	36,30	333.904.845.544	36,30	BXD đang xem xét phương án thoái vốn
11	CTCP Đầu tư Phát triển Sông Đà	28.437.376.438	36,71	0	0	Đã thoái vốn tháng 12.2015
12	CTCP Sông Đà 7	27.248.000.000	30,28	0	0	Đã thoái vốn tháng 8.2015
13	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà (đã sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Quân Đội)	190.000.000.000	27,7	190.000.000.000	0,53	SDFC đã sáp nhập thành công vào Ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 3/2016; tỷ lệ chuyển đổi 2,2 CP (SDF) chuyển đổi 01 CP (MBB); số lượng MBB TCT đang nắm giữ là 8.636.363 CP (tương ứng tỷ lệ nắm giữ 0,53%). TCT Sông Đà đã hoàn thành thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội tháng



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư tại 31/12/2014 (VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Vốn đầu tư đến 30/6/2017(VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Ghi chú
III	Đầu tư tài chính khác					9/2017
1	CTCP Đầu tư Phát triển Điện Miền Trung	32.814.400.000	16,41	32.334.400.000	16,17	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn, đã chuyển trả phần vốn ủy thác đầu tư 480 triệu đồng, đã hoàn thành thoái vốn tháng 9/2017.
2	CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà	250.000.000	1,66	250.000.000	1,66	
3	CTCP Sông Đà 2.07	1.500.000.000	1,36	0	0	Đã thoái vốn tháng 7.2015
4	CTCP Đầu tư và PTLN Vinaconex	33.525.500.000	8,85	40.230.600.000	8,85	Bao gồm cả phần vốn ủy thác đầu tư 906,6 triệu đồng
5	CTCP Thủy điện ĐăkĐrinh	13.020.000.000	1,28	13.020.000.000	1,28	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn. Đã bao gồm phần vốn ủy thác đầu tư 1,3 tỷ đồng
6	CTCP TĐ Sơn Trà - Sông Đà	1.536.000.000	10,00	1.536.000.000	10,00	
7	CTCP Thủy điện Nậm Mực	5.880.000.000	1,54	5.880.000.000	1,54	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn, đã thoái vốn toàn bộ tháng 10/2017.
8	CTCP ĐT&PT Dung Quất	538.200.000		538.200.000		
9	CTCP Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	5,00	5.000.000.000	5,00	
10	CTCP Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	5,00	300.000.000	5,00	
11	CTCP Sông Đà Nha Trang	5.000.000.000	2,68	5.000.000.000	2,68	
12	CTCP ĐTPPT Khu kinh tế Hải Hà	33.541.200.000	7,00	33.541.200.000	7,00	Bao gồm cả phần vốn ủy thác đầu tư 9,55 tỷ đồng.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư tại 31/12/2014 (VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Vốn đầu tư đến 30/6/2017(VNĐ)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Ghi chú
13	CTCP ĐTPT Điện miền Bắc 1	5.000.000.000	4,02	2.000.000.000	0,92	Công ty đã sáp nhập vào CTCP thủy điện Hồ Bồn tháng 8/2016 với tỷ lệ hoán đổi 10 CP Điện MB1 đổi 06 CP CTCP thủy điện Hồ Bồn); tỷ lệ nắm giữ của TCT Sông Đà là 0,92% vốn điều lệ CTCP thủy điện Hồ Bồn. BXD đã chấp thuận cho TCT Sông Đà thoái vốn.
14	CTCP Sông Đà Hoàng Long	5.000.000.000	5,53	0	0	Đã thoái vốn tháng 12.2015
15	CTCP CN Cao su COECCO	4.573.200.000	2,86	4.573.200.000	2,86	
16	CTCP Xây lắp dịch vụ Sông Đà	1.150.000.000	5	0	0	Đã thoái vốn tháng 5.2016
17	CTCP khai thác và CBKS Sông Đà	25.724.000.000	17,57	25.724.000.000	17,57	
18	CTCP TD Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty cổ phần Thủy điện Sử pán 2)	58.060.000.000	13,82	58.060.000.000	13,82	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

### 5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết

#### 5.1. Công ty mẹ: Không có

#### 5.2. Công ty con:

Tại thời điểm 30/06/2017, Tổng công ty Sông Đà có 12 Công ty con (chi tiết theo Bảng 32 trang 66), trong đó có 1 công ty con do TSD sở hữu 100% vốn điều lệ, cụ thể:

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà
- Địa chỉ: Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
- Điện thoại: 0239 3863868 Fax: 0239 3863868
- Vốn điều lệ: 230.000.000.000 đồng
- Chủ sở hữu: Tổng công ty Sông Đà
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3001012677 đăng ký lần đầu ngày 22/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 27/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp.
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại (Xây dựng công trình nhà ở công cộng); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; lắp đặt đường dây, trạm biến thế điện và xây dựng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: vận hành khai thác các trạm thu phí, lệ phí giao thông.

#### 5.3. Công ty liên doanh, liên kết: như đã nêu trong bảng 2 nêu trên

### 6. Một số giải thưởng/ danh hiệu tiêu biểu của Tổng công ty Sông Đà

Bảng 3: Các mốc lịch sử và thành tựu của Tổng công ty Sông Đà

Chi tiết	Thời gian
▪ Danh hiệu anh hùng lao động cho 04 tập thể và 13 cá nhân: - Tập thể CBCNV Công ty Sông Đà 9 - Tập thể CBCNV Tổng công ty Sông Đà	Năm 2000 Năm 2004
▪ Huân chương Hồ Chí Minh cho CBCNV của Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà	Năm 1994
▪ Huân chương Hồ Chí Minh cho CBCNV của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà	Năm 2000
▪ Ba huân chương độc lập hạng nhất: - Tặng thưởng cho CBCNV Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà - Tặng thưởng cho CBCNV Công ty Sông Đà 9	Năm 1989 Năm 2002

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chi tiết	Thời gian
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Năm huân chương độc lập hạng nhì:</li> <li>- Tặng thưởng cho CBCNV Tổng công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà</li> <li>- Tặng thưởng cho CBCNV Công ty Công trình ngầm</li> </ul>	<p>Năm 1989</p> <p>Năm 1995</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bảy huân chương độc lập hạng ba:</li> <li>- Tặng thưởng cho CBCNV Công ty Xây lắp thi công cơ giới</li> <li>- Tặng thưởng cho CBCNV Công ty công trình ngầm</li> </ul>	<p>Năm 1989</p> <p>Năm 1989</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Huân chương lao động hạng nhất: 10 tập thể và 10 cá nhân</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Huân chương lao động hạng nhì: 16 tập thể và 26 cá nhân</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Huân chương lao động hạng ba: 86 tập thể và 181 cá nhân</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cờ thi đua luân lưu của Thủ tướng Chính phủ</li> </ul>	<p>Các năm 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2014</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 41 huân chương vàng công trình chất lượng cao</li> </ul>	

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**7. Nguồn nhân lực**

**7.1. Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

Tại thời điểm ngày 08 tháng 07 năm 2016 (thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà là 464 người, trong đó cơ cấu như sau:

**Bảng 4: Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng(%)
<b>Tổng số lao động</b>	<b>464</b>	<b>100%</b>
- Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà	332	72%
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	132	28%
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>464</b>	<b>100%</b>
- Trên đại học	47	10%
- Trình độ đại học	232	50%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	33	7%

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng(%)
- Trình độ khác	152	33%
- Chưa đào tạo	0	0%
<b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>464</b>	<b>100%</b>
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	25	5%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	326	70%
- Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	106	23%
- Hợp đồng xác định thời hạn từ 3 đến 6 tháng	7	2%
- Hợp đồng thời vụ	0	0%
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>464</b>	<b>100%</b>
- Nam	340	73%
- Nữ	124	27%

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**7.2. Phương án sắp xếp lại lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần**

▪ **Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 464 người, cụ thể:

Nội dung	Tổng số
<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>464</b>
Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	25
Lao động làm việc theo HĐLĐ	439
a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	326
b) Làm việc theo HĐLĐ xác định từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	106
c) Làm việc theo HĐLĐ nhất định từ 03 tháng đến 06 tháng	7

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

▪ **Kế hoạch sắp xếp lao động**

Không tính số lao động về hưu, chấm dứt hợp đồng, lao động dôi dư, số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ được phân bổ theo cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa của Tổng công ty. Trong đó, số lao động đang nghỉ chế độ và tạm hoãn hợp đồng lao động như sau:

Bảng 5: Kế hoạch sắp xếp lao động

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Nội dung	Tổng số
<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>		<b>412</b>
1.	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	407
2.	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	05
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	05
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3.	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

▪ **Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần**

Cơ cấu lao động sẽ tiếp tục làm việc và chuyển sang Công ty cổ phần cụ thể như sau:

Bảng 6: Cơ cấu lao động

Bố trí lao động	Cơ cấu lao động
<b>1. Tổng số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần</b>	<b>412</b>
Trong đó	
<b>a. Phân theo trình độ</b>	
- Lao động có trình độ đại học trở lên	258
- Lao động có trình độ cao đẳng, - trung cấp	24
- Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	130
- Lao động chưa qua đào tạo	0
<b>b. Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	
- Lao động hợp đồng dài hạn	291
- Lao động hợp đồng ngắn hạn	89
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	25
- Lao động thời vụ	07

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**8. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014**

- (i) **Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:** Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 08/07/2016 của Bộ Xây dựng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và Quyết định số 1138/QĐ-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà, theo đó:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 là **18.550.220.738.854** đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 là: **4.485.961.122.298** đồng.
- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 7: Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu của Kiểm toán Nhà nước	Số liệu tại Quyết định 1138/QĐ-BXD phê duyệt điều chỉnh GTDN	Chênh lệch
	1	2	3=2-1
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>19.086.282.075.556</b>	<b>18.550.220.738.854</b>	<b>-536.061.336.702</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>12.896.390.224.540</b>	<b>2.360.328.887.838</b>	<b>-536.061.336.702</b>
1. Tài sản cố định	1.067.259.748.633	1.107.708.154.616	40.448.405.983
a. Tài sản cố định hữu hình	1.066.715.938.831	1.107.164.344.814	40.448.405.983
b. Tài sản cố định thuê tài chính			
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	543.809.802	543.809.802	
2. Bất động sản đầu tư			
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.355.120.884.622	6.778.611.141.937	-576.509.742.685
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.785.570.755	48.785.570.755	
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	1.233.258.042	1.233.258.042	
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	58.820.555.225	58.820.555.225	
7. Các khoản phải thu dài hạn	4.365.170.207.263	4.365.170.207.263	
8. Tài sản dài hạn khác			
<b>II. Tài sản lưu động và đầu</b>	<b>6.175.672.024.051</b>	<b>6.175.672.024.051</b>	<b>0</b>

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chỉ tiêu	Số liệu của Kiểm toán Nhà nước	Số liệu tại Quyết định 1138/QĐ-BXD phê duyệt điều chỉnh GTDN	Chênh lệch
	1	2	3=2-1
<b>tư ngắn hạn</b>			
1. Tiền	761.796.391.845	761.796.391.845	
a. Tiền mặt tồn quỹ	2.654.614.993	2.654.614.993	
b. Tiền gửi ngân hàng	759.141.776.852	759.141.776.852	
c. Tiền đang chuyển			
d. Các khoản tương đương tiền			
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.134.288.031.716	1.134.288.031.716	
3. Các khoản phải thu	4.201.297.822.123	4.201.297.822.123	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	9.601.977.405	9.601.977.405	
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	68.687.800.962	68.687.800.962	0
6. Chi phí sự nghiệp			
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN (Thương hiệu)</b>	<b>14.219.826.965</b>	<b>14.219.826.965</b>	<b>0</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất (TSCĐ VH)</b>			
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>9.787.915.164</b>	<b>9.787.915.164</b>	<b>0</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>9.787.915.164</b>	<b>9.787.915.164</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>			
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>			
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)</b>	<b>19.096.069.990.720</b>	<b>18.560.008.654.018</b>	<b>-536.061.336.702</b>
Trong đó:			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>19.086.282.075.556</b>	<b>18.550.220.738.854</b>	



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chỉ tiêu	Số liệu của Kiểm toán Nhà nước	Số liệu tại Quyết định 1138/QĐ-BXD phê duyệt điều chỉnh GTDN	Chênh lệch
	1	2	3=2-1
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>14.064.259.616.556</b>	<b>14.064.259.616.556</b>	
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}</b>	<b>5.022.022.459.000</b>	<b>4.485.961.122.298</b>	<b>-536.061.336.702</b>

*(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

(ii) Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp sau khi được xác định lại là **18.550.220.738.854 đồng**, giảm 536.061.336.702 đồng so với số liệu của kiểm toán Nhà nước do:

- TSCĐ và đầu tư dài hạn xác định lại giảm: 536.061.336.702 đồng

Trong đó:

- TSCĐ hữu hình xác định lại tăng: 40.448.405.983 đồng
- Đầu tư tài chính dài hạn xác định lại giảm: 576.509.742.685 đồng

(iii) Tổng nợ thực tế của doanh nghiệp là: **14.064.259.616.556 đồng**

(iv) Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Sông Đà là: **4.485.961.122.298 đồng**

**9. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp**

**9.1. Tài sản cố định hữu hình**

(i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà

Tình hình tài sản cố định của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 8: Tài sản cố định hữu hình Công ty mẹ

*Đơn vị: đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại khi xác định giá trị doanh nghiệp

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.150.994.267.506</b>	<b>1.038.495.558.447</b>	<b>1.116.949.223.979</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.102.688.493.851	1.019.691.435.047	1.092.825.152.919
- Máy móc và thiết bị	1.948.070.041	214.267.510	817.270.576
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	42.592.902.423	17.625.188.130	21.722.881.850
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.046.102.363	609.682.624	977.831.543
- Tài sản cố định khác	1.718.698.828	354.985.136	606.087.091
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.524.684.123</b>	<b>712.666.331</b>	<b>543.809.802</b>
Quyền sử dụng đất	337.478.200	91.241.641	87.023.159
Phần mềm máy vi tính	1.187.205.923	621.424.690	456.786.643

*(Nguồn: Hồ sơ xác định Giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà theo số liệu sổ sách kế toán (báo cáo kiểm toán) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà được thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 9: Tài sản cố định Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

*Đơn vị: đồng*

<b>Tài sản</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán</b>	<b>Giá trị còn lại khi xác định giá trị doanh nghiệp</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>534.078.979.192</b>	<b>418.807.842.341</b>	<b>449.591.916.271</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	530.873.104.228	418.105.953.485	448.890.027.415
- Máy móc và thiết bị	178.374.300	-	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.865.752.287	688.358.544	688.358.544
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	161.748.377	13.530.312	13.530.312
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*(Nguồn: Hồ sơ xác định Giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**9.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai**

Hiện nay, Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà đang quản lý và sử dụng 04 lô đất trên địa bàn 02 tỉnh thành phố; Trong đó có 03 lô tại thành phố Hà Nội, 01 lô tại tỉnh Hòa Bình với tổng diện tích là 15.701,4 m<sup>2</sup>. Trong đó: 13.691,6 m<sup>2</sup> đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

dụng đất, Quyết định giao đất và Hợp đồng thuê đất; Các lô 263 m<sup>2</sup> và 1.746,8 m<sup>2</sup> đang tiến hành hoàn thiện các thủ tục xin cấp/chuyển giao đất. Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà đang quản lý 07 lô đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với tổng diện tích là 607.471,43 m<sup>2</sup> và 02 lô đất tại tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích là 99.631 m<sup>2</sup>. Cụ thể thông tin về các lô đất của Tổng công ty Sông Đà như sau:

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**(i) Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giao đất và Hợp đồng thuê đất**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m2)		Hình thức sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời gian giao, cho thuê đất	Văn bản pháp lý
		Được giao lúc đầu	Còn lại hiện nay					
1	Ô đất HH4	9.863	9.863	Riêng (9.863 m2)	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Để xây dựng Tòa nhà hỗn hợp HH4- Sông Đà TWIN TOWER	50 năm kể từ năm 2009	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số <b>BM 666180</b> do Sở Tài nguyên – Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 28/01/2013.
2	Nhà G10 - Thanh Xuân	3.828,6	3.828,6	Riêng (3.739 m2)	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Để tiếp tục sử dụng công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc	50 năm kể từ năm 2011	Quyết định cho thuê đất số 5601/QĐ-UBND ngày 30/11/2011.
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.691,6</b>	<b>13.691,6</b>					

**(ii) Đất đã tiến hành hoàn thiện các thủ tục xin cấp/chuyển giao đất**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m2)		Hình thức sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời gian giao, cho thuê đất	Văn bản pháp lý
		Được giao lúc đầu	Còn lại hiện nay					
1	Khu đất cơ sở II Hà Đông	4.420	263*		Được giao quyền sử dụng từ năm 1995	Xây dựng cơ bản	Lâu dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận quyền sử dụng đất số <b>E791590</b> theo Quyết định số 503/QĐ/UBND ngày 13/9/1995 của UBND tỉnh Hà Tây;</li> <li>- Các Quyết định giao cho Công ty cổ phần Sông Đà 2 diện tích 592,8 m<sup>2</sup> đất thuộc ô đất: Văn bản số 3301/UBND-NN, ngày 22/08/2007 của</li> </ul>

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )		Hình thức sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời gian giao, cho thuê đất	Văn bản pháp lý
		Được giao lúc đầu	Còn lại hiện nay					
								<p>UBND tỉnh Hà Tây về việc chuyển quyền sử dụng 592,8 m<sup>2</sup> đất cho Công ty cổ phần Sông Đà 2; Ngày 11/3/2008 UBND Tỉnh Hà Tây đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số <b>AK672022</b>, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00602 cho Công ty Cổ phần Sông Đà 2 với diện tích 592.8 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Ngày 24/12/2007 UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 2513/QĐ-UBND xác định phần đất còn lại có diện tích 3.827,2 m<sup>2</sup></p> <p>- Các Quyết định giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đô thị Sông Đà diện tích 3.564,2 m<sup>2</sup> đất thuộc ô đất: Quyết định số 1960/QĐ-UBND, ngày 26/10/2007 của UBND Hà Tây đã về việc chuyển hình thức giao đất sang thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đô thị Sông Đà với diện tích 3.564,2 m<sup>2</sup> đất thuộc địa bàn phường Văn Quán thành phố Hà Đông thành đất ở giao Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đô thị Sông Đà thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông; Quyết định số 1802/QĐ-UBND, ngày 26/6/2008 của UBND Hà Tây về việc chuyển mục đích sử dụng 3.564,2 m<sup>2</sup> đất chuyển dùng thuộc phường Văn Quán thành phố Hà Đông thành đất ở giao Công</p>

**CÔNG BÁO THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )		Hình thức sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Thời gian giao, cho thuê đất	Văn bản pháp lý
		Được giao lúc đầu	Còn lại hiện nay					
2	Nhà truyền thống của Sông Đà tại Hòa Bình	3.170	1.746,8	Riêng (1.746,8 m <sup>2</sup> )	Được giao quyền sử dụng từ năm 2003	Chuyên dùng	Lâu dài	<p>ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đô thị Sông Đà thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông.</p> <p>- Hiện tại, diện tích còn lại 263 m<sup>2</sup> là khu chung cư 7 tầng – Nhà ở CBCNV Tổng công ty Sông Đà.</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số <b>K357560</b>, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00310QSDD/910-T-UBND ngày 24/6/2003;</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số <b>BA 668342</b> ngày 31/3/2011 của UBND tỉnh Hòa Bình cấp cho Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà (trong diện tích đất này có một phần diện tích của Khu đất Nhà truyền thống của Tổng công ty Sông Đà tại Hòa Bình nên diện tích Khu đất còn lại là 1.746,8 m<sup>2</sup>).</p>
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.590</b>	<b>2.009,8</b>					

(\*) Ngày 01/06/2016, Tổng công ty Sông Đà đã có văn bản số 962/TCT-CLDT gửi Ủy ban Nhân dân Tp. Hà Nội đề nghị về việc bàn giao diện tích của 263 m<sup>2</sup> đất tại cơ sở II của Tổng công ty Sông Đà tại phường Văn Mỗ, thành phố Hà Đông (nay là phường Văn Quán, quận Hà Đông) cho địa phương quản lý và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại tòa nhà 7 tầng xây dựng trên 263 m<sup>2</sup> đất nói trên.

Ngày 30/06/2016, Ủy ban Nhân dân Tp. Hà Nội đã gửi văn bản số 5368/VP-DT tới Tổng công ty Sông Đà thông báo về việc đã tiếp nhận đề nghị của Tổng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

*công ty và giao cho các Sở Ban ngành của thành phố Hà Nội xem xét, hướng dẫn Tổng công ty Sông Đà thực hiện theo quy định.*

**(iii) Các lô đất đang quản lý và sử dụng của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng đất	Văn bản pháp lý
<b>I</b>	<b>Các Ô đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</b>			
1	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1.252	Xây dựng Trạm cứu hộ, trạm cứu hỏa thuộc Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 2455 QĐ/UB - NL3 ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất và chuyển sang thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
2	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1.152	Xây dựng Cửa hàng xăng dầu, khu dịch vụ ăn uống thuộc Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 2455 QĐ/UB - NL3 ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất và chuyển sang thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
3	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	60.981,8	Xây dựng cửa hầm giao thông, cầu, đường, Trạm thu phí, Trụ sở Công ty B.O.T, đường điện 35/0,4KV	Quyết định số 490 QĐ/UB-NL3 ngày 13/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất để xây dựng Hàm đường bộ qua Đèo Ngang - Quốc lộ 1A
4	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	80.548,6	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ thi công Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 490 QĐ/UB-NL3 ngày 13/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất để xây dựng Hàm đường bộ qua Đèo Ngang - Quốc lộ 1A
5	Xã Huyện Thạch Hà, Huyện Cẩm Xuyên, Phường Thạch Linh-TP Hà Tĩnh	461.952,03	Xây dựng đường QL 1A đoạn tránh TP. Hà Tĩnh	Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp; Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất cho các địa phương quản lý sau khi thi công dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh TP. Hà Tĩnh.
6	Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	1.180	Xây dựng văn phòng Trạm thu phí Cầu Rác	Quyết định số 1218 QĐ/UB ngày 12/9/1998 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc cho thuê đất sử dụng vào mục đích chuyên dùng; Hợp đồng thuê đất số 114 HĐ/TĐ ngày 15/9/1998.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất	Văn bản pháp lý
7	Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	405	Xây dựng nhà ở cho CBCNV và các Công trình khác	Biên bản giao đất bổ sung ngày 04/11/1997 của UBND xã Cẩm Trung.
<b>Tổng cộng</b>		<b>607.471,43</b>		
<b>II</b>	<b>Các Ô đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình</b>			
1	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	42.663	Xây dựng các hạng mục hầm, cầu và đường dẫn - Dự án Hầm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 812/QĐ-UB ngày 16/4/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất và giao đất tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Ngang.
2	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	56.968	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ thi công Công trình Hầm đường bộ qua Đèo Ngang - Dự án Hầm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 812/QĐ-UB ngày 16/4/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất và giao đất tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Ngang.
<b>Tổng cộng</b>		<b>99.631</b>		

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

(\*) Hiện nay, Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà đang quản lý và sử dụng 04 lô đất trên địa bàn 02 tỉnh thành phố; và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà đang quản lý 07 lô đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với tổng diện tích là 607.471,43 m<sup>2</sup> và 02 lô đất tại tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích là 99.631 m<sup>2</sup> (chi tiết mục đích sử dụng đất như đã nêu tại bảng trên). Giá trị đất các lô đất này đều không tính vào GTDN để cổ phần hóa do không thuộc các trường hợp phải xác định giá trị để tính vào GTDN khi cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**10. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa**

**10.1. Sản phẩm, dịch vụ chính**

- Công trình thủy điện, dự án giao thông, nhà máy điện;
- Công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, công trình ngầm;
- Nguyên vật liệu, thiết bị xây dựng, công nghệ xây dựng.

**10.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- (i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà (Cty mẹ TCT) và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà (Hạ tầng SD)

Bảng 10: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD
1	Tổng TS	17.198.382	546.692	16.296.590	722.955	15.032.657	772.759
2	VCSH	3.185.179	192.146	2.645.728	200.959	2.671.867	121.503
3	Nợ phải trả	14.013.202	354.547	13.650.862	521.995	12.360.791	651.256
-	Nợ ngắn hạn	5.837.308	121.342	7.145.598	183.456	6.715.619	359.284
	Nợ quá hạn	-	-	-	-	-	-
-	Nợ dài hạn	8.175.895	233.205	6.505.264	338.539	5.645.172	291.973

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SD
	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-	-	-
4	Nợ phải thu	8.460.492	37.998	9.619.917	143.514	8.917.353	367.677
	<i>Nợ phải thu khó đòi (*)</i>	1.922	3.685	31.969	3.685	51.138	3.685
5	Tổng số LĐ BQ (người)	430	127	402	135	412	135
6	Tổng quỹ lương (triệu đồng)	66.947	12.962	79.200	14.728	53.500	14.728
7	Thu nhập BQ/LĐ/tháng (nghìn đồng)	13.455	8.773	16.423	9.635	12.900	9.635
8	Tổng DTT và thu nhập khác	7.531.397	153.244	7.739.888	190.768	3.489.131	254.571
9	Tổng chi phí	7.431.337	129.462	7.627.781	164.808	3.376.414	316.912
10	LNTT	100.060	23.782	112.107	25.960	112.717	(62.341)
11	LNST	100.060	22.590	112.107	24.627	112.717	(62.341)
12	Các khoản nộp ngân sách	5.940	1.192	2.659	217	763	1.842
13	Tỷ suất LNST/VCSH (%)	3,14%	11,76%	4,24%	12,25%	4,22%	-51,31%

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà)*

(\*) Các khoản nợ phải thu khó đòi đã được Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu với tỷ lệ 100%.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

(ii) Tổng công ty Sông Đà

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	TTS	45.691.949	35.125.518	31.901.046
2	VCSH	3.812.547	7.862.179	7.828.755
3	Nợ Phải trả (**)	38.244.754	27.263.304	24.072.257
-	Nợ ngắn hạn	16.682.215	14.777.567	12.950.608
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-
-	Nợ dài hạn	21.562.539	12.485.737	11.121.649
	Trong đó: nợ quá hạn	-	-	-
4	Nợ phải thu	5.182.435	12.245.314	10.732.547
	Nợ phải thu khó đòi (*)	207.070	261.093	270.490
5	Tổng DTT và thu nhập khác	17.140.459	17.502.084	10.387.829
6	Tổng chi phí	16.942.609	17.123.791	9.859.181
7	LNTT	277.535	571.133	674.881
8	LNST	156.480	452.237	586.109
9	Các khoản nộp ngân sách	409.339	322.241	249.190
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (%)	4,10%	5,75%	7,49%

*(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng công ty Sông Đà)*

*(\*) Các khoản nợ phải thu khó đòi đã được Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu với tỷ lệ 100%.*

*(\*\*): Trong tổng dư nợ phải trả tại mục 3 bao gồm các khoản vay TCT Sông Đà vay hộ CTCP Xi măng Hạ Long (XMHL) từ các nguồn vay của Chính phủ và do Chính phủ bảo lãnh vay nước ngoài tại ngày 31/12/2016, chi tiết các khoản vay như sau:*

<b>Thời hạn dưới 1 năm</b>	<b>1.648.875.826.442</b>
Vay Ngân hàng NIB	199.081.916.246
Vay ngân hàng Natixis	304.737.112.734
Vay ngân hàng ADB	13.916.800.344
Vay Bộ Tài chính	1.131.139.997.118
<b>Thời hạn trên 1 năm</b>	<b>1.335.138.127.179</b>
Vay ngân hàng NIB	139.357.340.696
Vay ngân hàng Natixis	428.681.331.616
Vay Ngân hàng ADB	636.685.663.212
Vay Bộ Tài chính	130.413.791.655

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

<b>Cộng</b>	<b>2.984.013.953.621</b>
Vay ngân hàng NIB	338.439.256.942
Vay ngân hàng Natixis	733.418.444.350
Vay Ngân hàng ADB	650.602.463.556
Vay Bộ Tài chính	1.261.553.788.773

Thực hiện văn bản số 33/VPCP-ĐMDN ngày 07/01/2016 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu XMHL, trong đó đồng ý chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại XMHL về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM); Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại XMHL về VICEM, thời điểm chuyển giao vốn là 31/12/2015, ngày 03/02/2016 Tổng công ty Sông Đà và VICEM đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại XMHL về VICEM với sự chi đạo và chứng kiến của Bộ Xây dựng. Ngày 18/3/2016, XMHL đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2016 và bầu thành công các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 là người do Vicem đề cử, thay thế cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được Tổng công ty Sông Đà đề cử trước đây. Như vậy đến ngày 18/3/2016, Tổng công ty Sông Đà đã hoàn thành việc bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại XMHL sang VICEM.

Tính đến ngày 31/8/2017, dư nợ các khoản vay Tổng công ty Sông Đà vay vay hộ CTCP Xi măng Hạ Long như sau:

- Đối với các khoản vay nước ngoài do Chính phủ bảo lãnh:
  - Khoản vay ngân hàng Natixis: Đây là khoản vay Ngân hàng Natixis cho Sông Đà vay và có bảo lãnh của Chính phủ sau đó Tổng công ty Sông Đà cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại.
  - Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng người mua số 56132 ngày 14/4/2005 ký giữa Tổng công ty Sông Đà và Ngân hàng Natixis là: 118.289.550,80 EUR.
  - Số dư nợ gốc của khoản vay Ngân hàng Natixis đến 31/8/2017 là 23.657.910,96 EUR.
  - Bên cạnh đó đây là khoản vay được Chính Phủ bảo lãnh. Phí bảo lãnh còn phải trả Bộ Tài chính đến ngày 31/08/2017 là 2.482.093,53 EUR.
- Đối với các khoản vay do Bộ Tài chính ủy quyền cho VDB cho vay lại:
  - Khoản vay Ngân hàng VDB, chi nhánh Quảng Ninh (nguồn vốn NIB):
    - Khoản vay Ngân hàng NIB là khoản vay nước ngoài được Bộ Tài chính cho Sông Đà vay (Bộ Tài chính ủy quyền cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quảng Ninh

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

*giải ngân và thu nợ*) sau đó Tổng công ty Sông Đà cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại.

- Số tiền vay theo HĐTD số 938/TDNN ngày 23/9/2005 ký giữa Tổng công ty Sông Đà và Ngân hàng Phát triển Quảng Ninh số tiền 30.000.000 EUR, trong đó Tổng công ty Sông Đà vay là 12.695.694,38 EUR và cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại là 17.304.305,62 EUR.

- Số dư nợ của khoản vay cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại đến 31/8/2017 là: 15,024 triệu EUR (trong đó nợ gốc 14.008.247,39 EUR, lãi vay 466.203,83 EUR, phí cho vay lại và phí phạt chậm trả 550.122,75 EUR).

o Đối với khoản vay theo Hiệp định phụ vay vốn ADB (Bộ Tài chính chỉ định cơ quan cho vay lại là Ngân hàng VDB - SGD1):

- Thực hiện đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị Công ty do ADB tài trợ. Năm 2011, Sông Đà và các đơn vị thành viên đã được vay vốn số tiền 88.591.000 USD, trong đó số tiền Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long được vay lại từ nguồn vốn ADB là 29.591.000 USD. Đây là khoản vay Tổng công ty Sông Đà nhận nợ trực tiếp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I và sau đó cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại.

- Khoản vay này đã bắt đầu thực hiện trả nợ gốc và lãi vay từ năm 2015, Tổng công ty Sông Đà và Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long đã thực hiện trả nợ gốc, lãi đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở giao dịch I - Ngân hàng được Bộ Tài chính ủy quyền quản lý khoản vay.

- Số tiền Tổng công ty Sông Đà cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại theo hiệp định là 29.591.000,00 USD

- Số dư nợ gốc của khoản vay đến ngày 31/8/2017 28,872 triệu USD.

▪ Đối với khoản vay từ Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài chính:

o Đây là khoản vay Sông Đà ký hợp đồng ứng vốn trả nợ nước ngoài từ Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài (Quỹ tích lũy) với Bộ Tài chính để trả nợ ngân hàng Natixis thay cho Xi măng Hạ Long.

o Tổng số tiền Tổng công ty Sông Đà ký hợp đồng vay ứng vốn từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính với Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính là 52.216.630,33 EUR.

o Số dư nợ của khoản vay Quỹ tích lũy đến 31/8/2017 là 62,320 triệu EUR (trong đó nợ gốc 52.216.630,33 EUR, lãi và lãi phạt 10.103.792,86 EUR).

▪ **Phương án xử lý các khoản nợ - TCT Sông Đà vay hộ CTCP xi măng Hạ Long:**

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Tổng công ty Sông Đà đã có văn bản số 802/TCT-TCKT ngày 22/5/2017 báo cáo Bộ Tài chính và văn bản số 803/TCT-TCKT ngày 22/05/2017 báo cáo Bộ Xây dựng đề nghị chuyển giao nghĩa vụ nợ đối với các khoản vay trên từ Tổng công ty Sông Đà sang Tổng công ty Vicem.
- Phương án tái cấu trúc XMHL: Ngày 05 tháng 06 năm 2017, Tổng công ty Xi măng Việt Nam đã có văn bản số 1272/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về phương án tái cấu trúc tổng thể Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long, trong đó có phương án tăng vốn điều lệ. Theo phương án này, Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long thực hiện tăng vốn điều lệ lên 1.718 tỷ đồng, phần vốn tăng thêm dự kiến được sử dụng để trả toàn bộ phần nợ vay Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài – Bộ Tài chính. Ngày 28/6/2017, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 83/BXD-QLDN trình Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai công tác tái cơ cấu Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long. Ngày 12/9/2017, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 2749/VPCP-ĐMDN thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đồng ý cho Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long tăng vốn điều lệ theo đề nghị của Bộ Xây dựng tại văn bản số 83/BXD-QLDN ngày 28/6/2017. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại văn bản số 2749/VPCP-ĐMDN, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 139/BXD-QLDN gửi Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu CTCP Xi măng Hạ Long. Hiện tại, Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long đang thực hiện việc tăng vốn theo Phương án được duyệt.
- Việc xử lý, chuyển giao các khoản nợ nói trên cho VICEM/XMHL sẽ thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổng công ty Sông Đà đang phối hợp cùng Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam để thực hiện việc bàn giao các khoản TCT Sông Đà vay hộ Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long.

### 10.3. Cơ cấu doanh thu

(i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	DT SXKD	7.085.110	93,47%	7.212.584	92,73%	2.949.693	84,54%
-	DT hợp đồng xây dựng	6.069.189	80,07%	6.196.622	79,67%	2.322.245	66,56%
-	DT bán điện	337.269	4,45%	276.379	3,55%	232.852	6,67%

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
-	DT cho thuê văn phòng	21.407	0,28%	28.108	0,36%	45.633	1,31%
-	DT dịch vụ ủy thác đầu tư	1.344	0,02%	-	0,00%	-	0,00%
-	DT cung cấp dịch vụ khác	222.785	2,94%	236.500	3,04%	80.243	2,30%
-	DT hoạt động khác	433.116	5,71%	474.974	6,11%	268.720	7,70%
<b>2</b>	<b>DT Tài chính</b>	<b>482.908</b>	<b>6,37%</b>	<b>560.510</b>	<b>7,21%</b>	<b>534.143</b>	<b>15,31%</b>
<b>3</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>12.174</b>	<b>0,16%</b>	<b>4.757</b>	<b>0,06%</b>	<b>5.295</b>	<b>0,15%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.579.832</b>	<b>100%</b>	<b>7.777.851</b>	<b>100%</b>	<b>3,489,131</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)

Đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu của Công ty mẹ - TCT Sông Đà là doanh thu từ hoạt động xây dựng, chiếm hơn 66% tổng doanh thu. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động tài chính cũng có đóng góp đáng kể, chiếm hơn 15% tổng doanh thu.

(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

Bảng 12: Cơ cấu doanh thu Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

Đơn vị : triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>1</b>	<b>DT SXKD</b>	<b>150.066</b>	<b>97,93%</b>	<b>188.060</b>	<b>98,41%</b>	<b>254.818</b>	<b>99,94%</b>
-	DT cước trạm Cầu Rác	96.375	62,89%	66,513	34,80%	68,158	26,73%
-	DT cước hầm Đèo Ngang	51.812	33,81%	121,547	63,60%	186,661	73,21%
-	DT kinh doanh xăng dầu	1.879	1,23%	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>DT Tài chính</b>	<b>2.989</b>	<b>1,95%</b>	<b>2.818</b>	<b>1,47%</b>	<b>13</b>	<b>0,01%</b>
<b>3</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>189</b>	<b>0,12%</b>	<b>229</b>	<b>0,12%</b>	<b>144</b>	<b>0,05%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>153.244</b>	<b>100%</b>	<b>191.106</b>	<b>100%</b>	<b>254.976</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà)

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Đóng góp lớn nhất vào doanh thu của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà đến từ hoạt động thu cước phí tại trạm Cầu Rác và hầm đường bộ qua Đèo Ngang. Doanh thu cước trạm Cầu Rác có xu hướng giảm mạnh từ 96,3 tỷ đồng năm 2014 xuống còn 68,1 tỷ đồng năm 2016. Trong khi đó, doanh thu cước hầm Đèo Ngang tăng nhanh từ 51,8 tỷ đồng năm 2014 lên đến 186,6 tỷ đồng năm 2016, chiếm tỷ trọng khoảng 73,21% tổng doanh thu. Doanh thu tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng nhỏ.

### (iii) Tổng công ty Sông Đà

Bảng 13: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

*Đơn vị : triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	<b>DT SXKD</b>	<b>16.469.242</b>	<b>95,10</b>	<b>17.170.848</b>	<b>97,34</b>	<b>9.970.630</b>	<b>95,35</b>
-	DT hoạt động xây dựng	7.525.353	22,27	10.196.867	57,80	6.871.909	65,72
-	DT sản xuất CN	8.034.991	23,78	5.677.484	32,18	2.139.027	20,46
-	DT cung cấp dịch vụ	668.355	1,98	582.187	3,30	491.431	4,70
-	DT kinh doanh BĐS	182.396	0,54	167.444	0,95	161.193	1,54
-	DT khác	58.147	0,17	546.865	3,10	307.070	2,94
2	<b>DT Tài chính</b>	<b>773.836</b>	<b>4,47</b>	<b>394.550</b>	<b>4,47</b>	<b>412.079</b>	<b>3,94</b>
3	<b>Thu nhập khác</b>	<b>75.166</b>	<b>0,43</b>	<b>75.178</b>	<b>0,43</b>	<b>73.969</b>	<b>0,71</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.318.244</b>	<b>100</b>	<b>17.640.576</b>	<b>100</b>	<b>10.456.677</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng công ty Sông Đà)*

Đóng góp lớn nhất vào doanh thu của toàn Tổng công ty đến từ các hợp đồng xây dựng và có xu hướng tăng nhanh từ 22,2% năm 2014 lên đến 65,7% tổng doanh thu năm 2016. Bên cạnh đó, doanh thu sản xuất công nghiệp cũng đóng góp tỷ trọng trung bình từ 20% đến 32% tổng doanh thu giai đoạn 2014-2016. Các doanh thu khác (cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản,...) chiếm tỷ trọng nhỏ.

### 10.4. Cơ cấu chi phí

#### (i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Bảng 14: Cơ cấu chi phí Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	6.766.089	96,16	6.899.012	96,16	2.832.189	96,02
2	Chi phí tài chính	509.048	7,23	569.542	7,94	416.385	14,12
3	Chi phí QLDN	143.019	2,03	154.495	2,15	124.606	4,22
4	Chi phí khác	13.182	0,19	4.732	0,07	3.233	0,11
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.431.337</b>	<b>105,61</b>	<b>7.627.781</b>	<b>106,32</b>	<b>3.376.414</b>	<b>114,47</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)

Cơ cấu chi phí của doanh nghiệp thay đổi không nhiều qua các năm. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí khoảng 96% tổng doanh thu thuần giai đoạn 2014-2016. Mặc dù Hoạt động cung cấp dịch vụ khác (như thu phí tổng thầu, phí thầu phụ, phí bảo lãnh) không chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng lại đóng góp lớn nhất vào Lợi nhuận gộp Công ty mẹ, cụ thể:

- Năm 2014: Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác là 199 tỷ, tương đương 72,4% tổng LN gộp;
- Năm 2015: Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác là 198 tỷ, tương đương 72,0% tổng LN gộp;
- Năm 2016: Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác là 59 tỷ, tương đương 50,4% tổng LN gộp;

(Chi tiết các chỉ tiêu hiệu quả tài chính được nêu tại Bảng số 30)

(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

Bảng 15: Cơ cấu chi phí Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	90.911	60,58%	134,370	71,58%	277.412	109,04%
2	Chi phí tài chính	28.898	19,26%	20,693	11,02%	29.943	11,77%
3	Chi phí bán hàng	40	0,03%	-	-	0	0,00%
4	Chi phí QLDN	9.552	6,36%	9,567	5,10%	9.463	3,72%
5	Chi phí khác	62	0,04%	177	0,09%	95	0,04%
<b>Tổng cộng</b>		<b>129.462</b>	<b>86,27%</b>	<b>164.808</b>	<b>87,79%</b>	<b>316,912</b>	<b>124,57%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà)

Cơ cấu chi phí của doanh nghiệp có sự điều chỉnh qua các năm. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

lớn nhất trong tổng chi phí và có xu hướng tăng mạnh từ mức chiếm 60,5% tổng doanh thu thuần năm 2014 lên đến 109% tổng doanh thu thuần trong năm 2016. Tỷ trọng chi phí tài chính tương ứng giảm từ 19,2% năm 2014 xuống còn 11,7% trên tổng doanh thu thuần năm 2016. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác chiếm tỷ trọng khoảng 5% - 6% tổng doanh thu thuần hàng năm.

### (iii) Tổng công ty Sông Đà

Bảng 16: Cơ cấu chi phí hợp nhất

*Đơn vị : triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	13.120.143	80,53%	14.526.561	85,29%	7.795.765	78,73%
2	Chi phí tài chính	2.471.694	15,17%	1.573.946	9,24%	1.286.049	12,99%
3	Chi phí bán hàng	225.795	1,39%	67.380	0,40%	5.804	0,06%
4	Chi phí QLDN	947.838	5,82%	910.631	5,35%	726.972	7,34%
5	Chi phí khác	177.139	1,09%	45.273	0,27%	44.591	0,45%
<b>Tổng cộng</b>		<b>16.942.609</b>	<b>104,00%</b>	<b>17.123.791</b>	<b>100,54%</b>	<b>9.859.181</b>	<b>99,57%</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng công ty Sông Đà)*

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Tổng công ty Sông Đà và chiếm tỷ trọng khoảng 80% doanh thu thuần. Chi phí tài chính cũng có xu hướng giảm từ 15,1% xuống còn 12,9%. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 7% doanh thu thuần.

### 10.5. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất

Từ một đơn vị chuyên về xây dựng thủy điện, đến nay Tổng công ty Sông Đà đã phát triển với hàng chục đơn vị thành viên hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước và trong rất nhiều lĩnh vực SXKD khác nhau: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông; Kinh doanh điện thương phẩm; Sản xuất vật liệu xây dựng; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp và đô thị; tư vấn xây dựng; Xuất nhập khẩu lao động và vật tư, thiết bị công nghệ cùng nhiều lĩnh vực kinh doanh khác. Hiện tại, Tổng công ty Sông Đà có một dàn xe máy, thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ các nước công nghiệp phát triển như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Thụy Điển, Phần Lan, Mỹ... Đặc biệt, trong lĩnh vực thi công công trình ngầm, Tổng công ty Sông Đà là đơn vị đầu tiên đưa vào sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại như máy khoan hầm và máy

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

khoan néo anke của hãng ATLAS COPCO (Thụy điển), TAMROCK (Phần Lan), máy phun vữa bê tông của hãng ALIVA (Thụy Sĩ), máy khoan giếng ROBBINS của hãng ATLAS COPCO (Mỹ), sử dụng công nghệ bê tông đầm lăn RCC, công nghệ đào hầm NATM,... Tổng công ty Sông Đà đã và đang tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu về khoa học công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, thiết kế, thi công và chế tạo thiết bị, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và công nghệ thi công nhà máy điện hạt nhân, các dự án xây dựng đường sắt

Hiện nay, Tổng công ty Sông Đà và các công ty con có một đội ngũ hơn 19.000 cán bộ và công nhân kỹ thuật lành nghề, trong đó có hơn 4.000 cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ đại học và trên đại học. Cùng với việc phát triển về số lượng các đơn vị thành viên và đội ngũ CBCNV, Tổng công ty Sông Đà liên tục đầu tư nâng cao trình độ kỹ thuật, năng lực quản lý của cán bộ, kỹ sư cũng như tay nghề của công nhân và năng lực xe máy, thiết bị. Nhiều khóa đào tạo nâng cao trình độ và tay nghề đã được tổ chức cho CBCNV của Tổng công ty Sông Đà.

### 10.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Tổng công ty Sông Đà quy định chặt chẽ về kiểm tra chất lượng dịch vụ cung ứng ra thị trường, kiểm tra các trang thiết bị, dụng cụ đo lường và an toàn thi công. Các cán bộ công nhân viên của Tổng công ty Sông Đà đều nắm vững các nguyên tắc về quản lý chất lượng và các nguyên tắc về quy trình quản lý và theo dõi hợp đồng kinh tế Tổng công ty Sông Đà ký kết với các đối tác và nhà thầu phụ theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

### 10.8. Hoạt động marketing bán hàng

Quảng bá rộng rãi hình ảnh, thương hiệu và năng lực của Tổng công ty Sông Đà trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua đội ngũ CBCNV, đối tác của Tổng công ty Sông Đà cụ thể như:

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược tiếp thị đấu thầu các dự án trọng điểm của Nhà nước, của các Tập đoàn, Tổng công ty Sông Đà trong nước thuộc các lĩnh vực điện, hạ tầng giao thông, dân dụng và công nghiệp ở trong và ngoài nước.
- Xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty Sông Đà đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình lớn trong nước.
- Xây dựng mạng lưới khách hàng tiềm năng, giữ vững uy tín với các khách hàng hiện có và lựa chọn các đối tác cho từng phân khúc thị trường, từng dự án.
- Từ Tổng công ty Sông Đà đến các đơn vị thành viên, xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển thị trường hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực, từng ngành nghề kinh doanh để đảm bảo mở rộng sản xuất, đầu tư, cũng như giải quyết việc làm cho người lao động.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Triển khai thực hiện hợp tác, liên doanh với một số nhà thầu lớn ở nước ngoài để tham gia đấu thầu các gói thầu, dự án thuộc lĩnh vực, thế mạnh của Tổng công ty Sông Đà tại khu vực Châu Á như: Lào, Malaysia, Campuchia, Myanmar, Ấn Độ, Pakistan,...

### 10.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

- Biểu tượng (LOGO) là nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty Sông Đà được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ bảo hộ tại:
  - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 60204 cấp theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.
  - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66123 cấp theo Quyết định số A9292/QĐ - ĐK ngày 24/8/2005.
  - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66124 cấp theo Quyết định số A9293/QĐ - ĐK ngày 24/8/2005.
  - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 66125 cấp theo Quyết định số A9294/QĐ - ĐK ngày 24/8/2005.
  - Và các Quyết định hiệu chỉnh bổ sung kèm theo đã hoặc sẽ ban hành bởi cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và công nghệ .
- Biểu tượng (LOGO):



### 10.10. Một số dự án lớn Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

#### (i) Các nhà máy điện

Bảng 17: Một số dự án nhà máy điện Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị dự án	Thời hạn hợp đồng
1	Nhà máy thủy điện Sơn La	2.400 MW	EVN	Sơn La	13.408 tỷ VNĐ	2004-2012
2	Nhà máy Thủy điện Hòa Bình	1.920 MW	EVN	Hòa Bình	585,8 triệu USD	1980-1990
3	Nhà máy Thủy điện Lai Châu	1200 MW	EVN	Lai Châu	11.171,7 tỷ VNĐ	2011-2017
4	Nhà máy Thủy điện Yaly	720 MW	EVN	Gia Lai	539,6 triệu USD	1994-2000

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Địa Điểm	Giá trị dự án	Thời hạn hợp đồng
5	Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn	66 MW	EVN	Bình Định	60 triệu USD	1991-1995
6	Nhà máy Thủy điện Sông Hinh	70 MW	EVN	Phú Yên	65 triệu USD	1993-2001
7	Nhà máy Thủy điện Trị An	400 MW	EVN	Đồng Nai	30 triệu USD	1987-1989
8	Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	300 MW	EVN	Bình Thuận	15 triệu USD	1998-2001
9	Nhà máy Thủy điện Đại Ninh	300 MW	EVN	Lâm Đồng	22 triệu USD	2004- 2007
10	Nhà máy thủy điện Tuyên Quang	342 MW	EVN	Tuyên Quang	4.207,7 tỷ VNĐ	2002 – 2008
11	Nhà máy thủy điện Sê San 3	260 MW	EVN	Gia Lai	1.628 tỷ VNĐ và 61,6 triệu USD	2002 – 2006
			CTCP Đầu			
12	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	108 MW	tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Gia Lai	1.864 tỷ VNĐ	2003 – 2007
13	Nhà máy thủy điện Plei Krông	110 MW	EVN	KonTum	949 tỷ VNĐ	2003 – 2009
14	Nhà máy thủy điện Bán Vẽ	320 MW	EVN	Nghệ An	3.288,6 tỷ VNĐ	2004 – 2011
15	Nhà máy thủy điện Sê San 4	360 MW	EVN	Gia Lai	2.399,4 tỷ VNĐ	2004- 2009
16	Nhà máy thủy điện Nậm Chiến	200 MW	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Son La	3.181 tỷ VNĐ	2007- 2012
17	Thủy điện Xekaman 3	250 MW	Cty TNHH Điện Xekaman 3	CHDCND Lào	161 triệu USD	2006-2013
18	Thủy điện Xekaman 1	290 MW	Cty TNHH Điện Xekaman 1	CHDCND Lào	6.927 tỷ VNĐ và 335,8 triệu USD	2010-2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Địa Điểm	Giá trị dự án	Thời hạn hợp đồng
			1			
19	NM thủy điện Đăkdrinh	125 MW	CTCP thủy điện Đăkdrinh	Quảng Ngãi	3.003 tỷ VNĐ	2013
20	Nhà máy thủy điện Huội Quảng	520MW	EVN	Lai Châu	5.569 tỷ VNĐ	2006-2016
21	Nhà máy thủy điện An Khê Kanak	173 MW	EVN	Gia Lai	3.470 tỷ VNĐ	2011
22	Nhà máy thủy điện Hòa Na	180 MW	CTCP thủy điện Hòa Na	Nghệ An	2.621 tỷ VNĐ	2008-2013
23	Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	150 MW	VINACO MIN	Đồng Nai	2.718 tỷ VNĐ	2011-2015

25	Nhà máy thủy điện Nam Nghiệp 1	272 MW	Kansai-EGAT-Lao	CHDCND Lào	105 triệu USD	2014-2018
----	--------------------------------	--------	-----------------	------------	---------------	-----------

**Các công trình đường dây và trạm biến áp**

Bảng 18: Một số công trình đường dây và trạm biến áp

Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
1	Đường dây Pleiku – Phú Lâm đoạn G50 đến G83	500KV	BQL Điện Miền Trung - EVN	Pleiku	4,53 tỷ VNĐ	2001 – 2003
2	Đường dây Sơn La - Lai Châu	500KV	NPT	Sơn La và Lai Châu	144 tỷ VNĐ	2013-2015
3	Trạm phân phối điện và đường dây 220kV thủy điện Tuyên Quang	342MW	EVN	Tuyên Quang	75,6 tỷ VNĐ	2004 – 2007

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

TT	Tên công trình	Công suất	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
	Trạm phân phối điện					

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**(iv) Các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp**

Bảng 20: Một số công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp

Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Công trình/hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
1	Trung tâm giao dịch và điều hành Viễn thông Quốc gia	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông VN	Hà Nội	250 tỷ VNĐ	2001- 2003
2	Khu đô thị mới Nam An Khánh - huyện Hoài Đức - tỉnh Hà Tây	TCT Sông Đà	Hà Tây	1.374 tỷ VNĐ	2004 – 2011
3	Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình - Hà Nội	Ủy ban Thể dục Thể thao Quốc gia	Hà Nội	1.113 tỷ VNĐ	2001- 2003
4	Toà nhà hỗn hợp HH4 - Mỹ Đình - Mễ Trì	TCT Sông Đà	Hà Nội	1.100 tỷ VNĐ	2005-2010
5	Công trình nhà Quốc Hội gói XL-01 và gói XL 02	Bộ Xây dựng	Hà Nội	1.000 tỷ VNĐ	2011-2014
6	Toà nhà Sông Đà - Nhân Chính	TCT Sông Đà	Hà Nội	11 tỷ VNĐ	2002-2003
7	Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì	TCT Sông Đà	Hà Nội	288 tỷ VNĐ	2002 – 2007
8	Xây dựng tòa nhà 104 CT1- Usilk city	Công ty CP Sông Đà Thăng Long	Hà Nội	150 tỷ VNĐ	2009-2011
9	Toà nhà cao cấp Sông Đà - Hà Đông	TCT Sông Đà	Hà Đông	600 tỷ VNĐ	2008-2010
10	Khu đô thị mới Vạn Phúc - Hà Đông	TCT Sông Đà	Hà Nội	170 tỷ VNĐ	2008-1011

**(v) Các công trình xây dựng cảng và đường**

Bảng 21: Một số công trình xây dựng cảng và đường

Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
1	HD 4 Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Bắc Ninh	PMU 1	Hà Nội - Bắc Ninh	173,1 tỷ VNĐ	1997-2002



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
2	HĐ 6 Quốc lộ 1 đoạn Thường Tín - Cầu Giẽ	PM 18	Hà Tây	64,4 tỷ VNĐ	1999-2000
3	HĐ R3 Quốc Lộ 10 đoạn Thái Bình	PM 18	Thái Bình	46,6 tỷ VNĐ	2000-2001
4	Hầm đường bộ qua đèo Ngang	TCT Sông Đà	Hà Tĩnh	146 tỷ VNĐ	2002-2004
5	Đường Vành đai III	TCT Sông Đà	Hà Nội	152 tỷ VNĐ	2002-2006
6	Đường tránh ngập bờ phải thủy điện Tuyên Quang 7km	EVN	Tuyên Quang	47 tỷ VNĐ	2005-2006
7	Đường tránh ngập bờ trái thủy điện Tuyên Quang 33km	EVN	Tuyên Quang	103 tỷ VNĐ	2004-2007
8	Đường Chiêm Hóa - thủy điện Tuyên Quang 41 km	EVN	Tuyên Quang	150 tỷ VNĐ	2002-2003
9	Đường tránh Na Hang-Yên Hoa 15 km	EVN	Tuyên Quang	65 tỷ VNĐ	2005-2006
10	Đường Hồ Chí Minh 42 km	Bộ GTVT	Thừa thiên Huế	657 tỷ VNĐ	2000-2005
11	Đường Quốc lộ 2 Nội Bài - Vĩnh Yên	Bộ GTVT	Nội Bài - Vĩnh Yên	596,8 tỷ VNĐ	2005-2008
12	Dự án QL1A_Đoạn tránh Tp Hà Tĩnh	TCT Sông Đà	Hà Tĩnh	806 tỷ VNĐ	2007-2008
13	Đường cao tốc Biên Hoà-Vũng Tàu - QL 51	Công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam	Biên Hoà-Vũng Tàu	3.313 tỷ VNĐ	2008-2012
14	Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn Hà Nội Thái Nguyên- 63 km	TCT Sông Đà	Hà Nội Thái Nguyên	3.000 tỷ VNĐ	2010-2012
15	Dự án cải tạo Quốc lộ 6 đoạn Ba La Xuân Mai- 28 km	TCT Sông Đà	Hà Nội	1.750 tỷ VNĐ	2010-2012
16	Gói thầu số 4 DA XD đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	VEC	Đà Nẵng – Quảng Ngãi	2.066 tỷ VNĐ	2014-2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**(vi) Các dự án hệ thống cung cấp nước sạch và thủy nông**

Bảng 22: Một số dự án hệ thống cung cấp nước sạch và thủy nông

Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa Điểm	Giá trị Công việc	Thời hạn hợp đồng
1	Dự án cấp nước 6 thành phố, thị xã - HD A/98/ICB/SP5-A	Ban Quản lý các dự án phát triển cấp thoát nước - Bộ Xây dựng	4 tỉnh	3,8 triệu USD	2000-2001
2	Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước TP Hạ Long	Công ty cấp nước Quảng Ninh	Quảng Ninh	3,7 triệu USD	2000-2001
3	Hệ thống tiêu úng Cổ Đô - Vạn Thắng	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn - Ban Quản lý dự án 404	Hà Tây	0,27 triệu USD	2000
4	Dự án cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã - Gói A	Công ty cấp nước Thanh Hoá	Thanh Hoá	0,18 triệu USD	2000-2001

**(vii) Công tác lắp đặt thiết bị**

Bảng 23: Một số Dự án lắp đặt thiết bị Tổng công ty Sông Đà đã và đang thực hiện

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
1	Gia công chế tạo lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công - Nhà máy thủy điện Thác Trắng	TCT Sông Đà	Lai Châu	2,2 triệu USD	2004-2005
2	Gia công chế tạo lắp đặt các thiết bị cơ khí thủy công - Nhà máy thủy điện Nậm Mu	TCT Sông Đà	Hà Giang	2,3 triệu USD	2004 - 2006
3	Chế tạo buồng xoắn, hầm tước bin, chi tiết đặt sẵn, đường ống áp lực - Nhà máy thủy điện Sê San 3A.	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Gia Lai	6,0 triệu USD	2003 - 2006
4	Lắp đặt thiết bị cơ khí thủy lực - Nhà máy thủy điện Sê San 3A	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Gia Lai	4,8 triệu USD	2004 - 2006
5	Gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công - Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang.	EVN	Tuyên Quang	5,13 triệu USD	2004 - 2006

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Giá trị công việc	Thời hạn hợp đồng
6	Gia công lắp đặt thiết bị Nhà máy thủy điện Nậm Chiến	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Hà Giang	10 triệu USD	2007 – 2010
7	Gia công và lắp đặt thiết bị thủy điện Xekaman 3	Công ty TNHH Điện Xekaman 3	CHDCND Lào	12 triệu USD	2010-2013
8	Gia công và lắp đặt thiết bị thủy điện Xekaman 1	Công ty TNHH Điện Xekaman 1	CHDCND Lào	15 triệu USD	2013-2016
9	Gia công Lắp đặt cơ khí Thủy điện Trung Sơn	Công ty cổ phần Thủy điện Trung Sơn	Thanh Hóa	10 triệu USD	2014-2016

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**10.11. Cơ cấu tài sản**

(i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà

Bảng 24: Cơ cấu tài sản Công ty mẹ

*Đơn vị : triệu đồng*

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>6.101.180</b>	<b>35,48</b>	<b>7.349.675</b>	<b>45,10</b>	<b>7.374.737</b>	<b>49,06</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	763.003	4,44	578.245	3,55	442.051	2,94
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.132.988	6,59	6.333	0,04	26.583	0,18
Các khoản phải thu	4.127.194	24,00	6.644.604	40,77	6.809.670	45,30
Hàng tồn kho	9.602	0,06	40.704	0,25	3.865	0,03
Tài sản ngắn hạn khác	68.392	0,40	79.789	0,49	92.567	0,62
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>11.097.202</b>	<b>64,52</b>	<b>8.946.914</b>	<b>54,90</b>	<b>7.657.920</b>	<b>50,94</b>
Các khoản phải thu dài hạn	4.333.298	25,20	2.975.313	18,26	2.107.684	14,02
Tài sản cố định	1.087.994	6,33	1.061.508	6,51	1.036.116	6,89
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.616.522	32,66	4.847.596	29,75	4.450.813	29,61
Tài sản dài hạn khác	59.389	0,35	62.497	0,38	63.307	0,42

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.198.382</b>	<b>100</b>	<b>16.296.589</b>	<b>100</b>	<b>15.032.657</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)

Tỷ trọng các khoản phải thu và các khoản đầu tư tài chính dài hạn là lớn nhất trên tổng giá trị tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà. Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng tăng trong hai năm gần đây từ mức 49% năm 2014 lên đến 60% tổng tài sản trong năm 2016. Trong khi đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn có xu hướng điều chỉnh giảm từ chiếm 32,6% tổng tài sản trong năm 2014 xuống còn 29,6% tổng tài sản năm 2016. Các tài sản khác chiếm tỷ trọng nhỏ.

(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà

Bảng 25: Cơ cấu tài sản Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>120.930</b>	<b>22,12</b>	<b>155.225</b>	<b>21,47</b>	<b>371.500</b>	<b>48,07</b>
Tiền và tương đương tiền	39.849	7,29	2.043	0,28	1.484	0,19
Các khoản ĐTTTC ngắn hạn	36.460	6,67	-	-	-	0,00
Các khoản phải thu	37.998	6,95	143.514	19,85	367.677	47,58
Hàng tồn kho	193	0,04	-	0,00	-	0,00
Tài sản ngắn hạn khác	6.429	1,18	9.668	1,34	2.338	0,30
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>425.762</b>	<b>77,88</b>	<b>567.730</b>	<b>78,53</b>	<b>401.259</b>	<b>51,93</b>
Tài sản cố định	424.862	77,72	567.140	78,45	401.059	51,90
Các khoản ĐTTTC dài hạn	900	0,16	260	0,04	200	0,03
Tài sản dài hạn khác	-	-	330	0,05	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>546.692</b>	<b>100</b>	<b>722.955</b>	<b>100</b>	<b>772.759</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà)

Tỷ trọng tài sản cố định và các khoản phải thu là lớn nhất trên tổng giá trị tài sản của Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà. Tài sản cố định có xu hướng giảm tỷ trọng từ 77,7% xuống còn

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

51,9% tổng tài sản trong giai đoạn 2014-2016. Trong khi đó, các khoản phải thu tăng nhanh gần gấp 10 lần trong vòng 02 năm, từ mức 6,9% tổng tài sản năm 2014 lên đến 47,6% tổng tài sản năm 2016.

**(iii) Tổng công ty Sông Đà**

Bảng 26: Cơ cấu tài sản hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>12.832.259</b>	<b>28,08</b>	<b>14.835.050</b>	<b>42,23</b>	<b>13.078.547</b>	<b>41,00</b>
Tiền và tương đương tiền	1.663.583	3,64	1.443.771	4,11	799.272	2,51
Các khoản ĐTTC ngắn hạn	306.046	0,67	65.919	0,19	118.436	0,37
Các khoản phải thu	4.678.549	10,24	9.106.070	25,92	8.431.830	26,43
Hàng tồn kho	5.160.908	11,30	3.951.267	11,25	3.516.566	11,02
TS ngắn hạn khác	1.023.173	2,24	268.023	0,76	212.443	0,67
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>32.859.690</b>	<b>71,92</b>	<b>20.290.468</b>	<b>57,77</b>	<b>18.822.499</b>	<b>59,00</b>
Các khoản phải thu dài hạn	503.886	1,10	3.139.244	8,94	2.300.717	7,21
Tài sản cố định	28.989.207	63,44	13.575.351	38,65	12.950.719	40,60
BDS đầu tư	3.918	0,01	2.523	0,01	2.689	0,01
Các khoản ĐTTC dài hạn	2.198.921	4,81	3.229.012	9,19	3.326.971	10,43
TS dài hạn khác	1.155.983	2,53	344.337	0,98	237.126	0,74
Lợi thế thương mại	7.775	0,02	6.302	0,02	4.277	0,01
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.691.949</b>	<b>100</b>	<b>35.125.518</b>	<b>100</b>	<b>31.901.046</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng công ty Sông Đà)

Tỷ trọng các khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định là lớn nhất trên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty Sông Đà. Tỷ trọng khoản phải thu có xu hướng tăng từ 10,24% lên 26,43% năm 2014 – 2016. Tuy nhiên, tỷ trọng tài sản cố định giảm tương đối mạnh giai đoạn 2014 – 2016, giảm từ 63,44% năm 2014 xuống còn 40,6% năm 2016.

**10.12. Cơ cấu nguồn vốn**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**(i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà**

Bảng 27: Cơ cấu nguồn vốn Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>14.013.202</b>	<b>81,48</b>	<b>13.650.862</b>	<b>83,77</b>	<b>12.360.791</b>	<b>82,23</b>
Nợ ngắn hạn	5.837.308	33,94	7.145.598	43,85	6.715.619	44,67
Nợ dài hạn	8.175.895	47,54	6.505.264	39,92	5.645.172	37,55
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>3.185.179</b>	<b>18,52</b>	<b>2.645.728</b>	<b>16,23</b>	<b>2.671.867</b>	<b>17,77</b>
Vốn đầu tư CSH	2.563.494	14,91	1.917.732	11,77	1.869.213	12,43
Quỹ ĐTPPT	478.582	2,78	493.836	3,03	535.334	3,56
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	0,00	-	0,00
LNST chưa phân phối	61.191	0,36	152.247	0,93	149.324	0,99
Nguồn vốn đầu tư XDCB	5.751	0,03	5.751	0,04	5.751	0,04
Quỹ hỗ trợ SXDN	76.162	0,44	76.162	0,47	112.246	0,75
Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-	-	0,00	-	0,00
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>17.198.382</b>	<b>100</b>	<b>16.296.590</b>	<b>100</b>	<b>15.032.657</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)  
 Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trên 80% tổng nguồn vốn hàng năm của Tổng công ty Sông Đà. Do phải tài trợ cho các khoản phải thu khá lớn nên tỷ trọng các khoản nợ có xu hướng tăng nhẹ từ 81,4% lên 82,2% tổng nguồn vốn trong giai đoạn 2014 – 2016, trong đó chiếm đa số là các khoản nợ ngắn hạn.

**(ii) Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà**

Bảng 28: Cơ cấu nguồn vốn Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>354.547</b>	<b>64,85</b>	<b>521.995</b>	<b>72,20</b>	<b>651.256</b>	<b>84,28</b>
Nợ ngắn hạn	121.342	22,20	183.456	25,38	359.284	46,49
Nợ dài hạn	233.205	42,66	338.539	46,83	291.973	37,78
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>192.146</b>	<b>35,15</b>	<b>200.959</b>	<b>27,80</b>	121.503	15,72
Vốn đầu tư CSH	161.307	29,51	161.307	22,31	161.307	20,87
Quỹ ĐTPT	8.249	1,51	15.026	2,08	22.414	2,90
LNST chưa phân phối	22.590	4,13	24.627	3,41	(62.218)	-8,05
Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-	-	-	-	0,00
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>546.692</b>	<b>100</b>	<b>722.955</b>	<b>100</b>	<b>772.759</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà)  
 Tỷ trọng các khoản nợ phải trả (chiếm từ 65% đến 70% là nợ dài hạn) có xu hướng tăng tỷ trọng trên tổng nguồn vốn của Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà từ 64,8% năm 2014 lên đến 84,2% năm 2016.

**(iii) Tổng công ty Sông Đà**

Bảng 29: Cơ cấu nguồn vốn Tổng công ty Sông Đà

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>38.244.754</b>	<b>83,70</b>	<b>27.263.305</b>	<b>77,62</b>	<b>24.072.257</b>	<b>75,46</b>
Nợ ngắn hạn	16.682.215	36,51	14.777.567	42,07	12.950.608	40,60
Nợ dài hạn	21.562.539	47,19	12.485.738	35,55	11.121.649	34,86
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>7.447.195</b>	<b>16,30</b>	<b>7.862.213</b>	<b>22,38</b>	<b>7.828.789</b>	<b>24,54</b>
Vốn đầu tư CSH	2.710.364	5,93	2.108.108	6,00	2.022.809	6,34
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	234.278	0,51	-	-	-	-
Các quỹ	1.275.198	2,79	1.322.280	3,76	1.411.104	4,42
LNST chưa phân phối	(413.054)	-0,90	1.375.660	3,92	1.498.930	4,70

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	5.760	0,01	5.760	0,00	5.760	0,02
Nguồn kinh phí, quỹ khác	58	-	35	0,00	35	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	3.634.590	7,95	3.090.930	8,80	2.890.186	9,06
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>45.691.949</b>	<b>100</b>	<b>35.125.518</b>	<b>100</b>	<b>31.901.046</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2014, 2015 và 2016 của Tổng công ty Sông Đà)

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng từ 81,33% lên 83,70% tổng nguồn vốn của Tổng công ty trong giai đoạn 2012-2014, trong đó chiếm đa số là các khoản nợ dài hạn. Tính đến 31/12/2016, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà hiện vẫn đang ghi nhận các khoản vay hộ Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (như trình bày tại Mục Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh).

**10.13. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính**

- (i) Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà (Cty mẹ TCT) và Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà (Hạ tầng SD)

Bảng 30: Chỉ tiêu hiệu quả tài chính Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Hạ tầng sông Đà

	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu hiệu quả tài chính			
1. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư			
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư			
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu			
4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
8. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
10. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
11. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
14. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
15. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
16. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
17. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
18. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
19. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
20. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
21. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
22. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
23. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
24. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
25. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
26. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
27. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
28. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
29. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
30. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
31. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
32. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
33. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
34. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
35. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
36. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
37. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
38. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
39. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
40. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
41. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
42. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
43. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
44. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
45. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
46. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
47. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			
48. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn đầu tư			
49. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản			
50. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng nợ phải trả			



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SĐ	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SĐ	Cty mẹ TCT	Hạ tầng SĐ
(triệu đồng)						
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	1,42%	15,05%	1,59%	16,41%	1,60%	-41,54%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	3,14%	11,76%	4,24%	12,25%	4,22%	-51,31%

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**(ii) Tổng công ty Sông Đà**

Bảng 31: Chỉ tiêu hiệu quả tài chính Tổng Công ty Sông Đà

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	7.447.195	7.862.213	7.828.789
Doanh thu thuần (triệu đồng)	16.291.457	17.032.356	9.901.781
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	3.171.314	2.505.795	2.106.016
Biên lợi nhuận gộp (%)	19,47%	15,38%	12,93%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	277.535	571.133	674.881
Biên lợi nhuận trước thuế (%)	1,70%	3,51%	4,14%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	156.480	452.237	586.109
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	0,96%	2,78%	3,60%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	2,10%	5,75%	7,49%

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**11. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà**

**11.1. Thuận lợi**

- Việt Nam đã và đang đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng. Kinh tế có sự tăng trưởng, chính trị - xã hội ổn định; diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.
- Chính phủ và các Bộ ngành liên quan đã và đang ban hành các chính sách để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.
- Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty Sông Đà trở thành nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng, với vai trò là tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC các công trình thủy điện trong điếm của Việt Nam
- Thương hiệu Sông Đà đã trở thành thương hiệu uy tín, khẳng định được vị thế trên thị

trường.

- Nguồn nhân lực dồi dào và có chất lượng cao.
- Năng lực thiết bị thi công hiện đại, đặc chủng đáp ứng được yêu cầu của tất cả các dự án.
- Tổng công ty Sông Đà luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, Ngành và sự ủng hộ giúp đỡ của các địa phương, đặc biệt là Bộ Xây dựng.

#### **11.2. Khó khăn**

- Hầu hết các công trình thủy điện lớn ở trong nước thuộc thể mạnh chính của TCT đã vào giai đoạn kết thúc. Bên cạnh đó, TCT tham gia vào các phân khúc xây lắp khác phải cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp trong và ngoài nước nên việc tìm kiếm việc làm cho CBCNV và lực lượng xe máy thiết bị của TCT là hết sức khó khăn.
- Tiềm lực tài chính của TCT còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô hoạt động của Tổng công ty Sông Đà nên việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động SXKD gặp khó khăn, dẫn đến sử dụng nợ vay lớn làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.
- Trong bối cảnh vẫn còn khó khăn chung của nền kinh tế đã làm ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, trong đó có lĩnh vực xây dựng.

### **12. Vị thế của Tổng công ty Sông Đà so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

#### **12.1. Vị thế của Tổng công ty Sông Đà trong ngành**

Lịch sử phát triển của Tổng công ty gắn liền với các công trình thủy điện, công nghiệp và giao thông trọng điểm của đất nước mà Tổng công ty đã và đang thi công. Đó là các nhà máy thủy điện Thác Bà (110MW), Hoà Bình (1.920MW), Trị An (400MW), Vĩnh Sơn (66MW), Yaly (720 MW), Sê San 3 (273MW), Tuyên Quang (342 MW), Sơn La (2.400 MW).... Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã trở thành một Tổng công ty xây dựng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện. Từ một đơn vị nhỏ chuyên về xây dựng thủy điện, đến nay Tổng công ty đã phát triển với nhiều đơn vị thành viên hoạt động trên khắp mọi miền của đất nước và trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau: Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, kinh doanh điện thương phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp và đô thị, tư vấn xây dựng, xuất nhập khẩu lao động và vật tư, thiết bị công nghệ cùng nhiều lĩnh vực kinh doanh khác. Hiện tại, Tổng công ty Sông Đà chiếm khoảng 85% thị phần trong nước về xây dựng thủy điện, trở thành nhà thầu lớn nhất trong lĩnh vực này tại Việt Nam đồng thời là nhà thầu có vị thế số một về năng lực con người, chuyên môn kỹ thuật, máy móc thiết bị trong nước cũng như khu vực về xây dựng thủy điện. Trong những năm tiếp theo Tổng công ty sẽ định hướng tập trung đầu tư, kinh doanh vào thị trường thủy điện tại các nước trong khu vực (*Lào, Campuchia...*), đảm bảo đồng thời nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhiệm vụ tăng cường quan hệ ngoại giao, an

ninh, quốc phòng của đất nước.

### 12.2. Triển vọng phát triển của ngành

Lãnh thổ Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, có lượng mưa trung bình hàng năm cao, khoảng 1.800 - 2.000mm. Với địa hình miền Bắc và biên giới miền Tây đồi núi cao, phía Đông là bờ biển dài trên 3.400km nên nước ta có hệ thống sông ngòi khá dày đặc với hơn 3.450 hệ thống. Và với điều kiện tự nhiên thuận lợi như vậy nên tiềm năng thủy điện tương đối lớn, ước đạt tổng công suất thủy điện của Việt Nam vào khoảng 35.000MW. Theo kế hoạch, đến năm 2017, có 473 dự án sẽ đưa vào khai thác vận hành, với tổng công suất là 21.229,3 MW, chiếm gần 82% tổng công suất tiềm năng kỹ thuật của thủy điện. Do vậy, tiềm năng cho phát triển các công trình thủy điện tại Việt Nam không còn nhiều đồng thời căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTG ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, có xét đến năm 2030 thì quy hoạch phát triển nguồn điện sẽ đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (*thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v...*), từng bước gia tăng tỷ trọng của điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện.

### 12.3. Định hướng và những vấn đề cần tiếp tục triển khai

Với mục tiêu chiến lược là xây dựng Tổng công ty thành Tổng công ty mạnh ở trong nước và khu vực, có quy mô lớn, hiện đại, đa sở hữu, sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao trong các lĩnh vực chính là:

- Trong lĩnh vực Tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC: Là nhà thầu hàng đầu của Việt Nam và khu vực Asean.
- Trong lĩnh vực đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện: Là một trong các nhà đầu tư, kinh doanh điện lớn ở trong nước.
- Hiện tại, Tổng công ty đã được Chính phủ lựa chọn tham gia Dự án 1 của Chương trình “Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty” do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ. Theo đó, Tổng công ty đã xây dựng Đề án “Tái cấu trúc Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2012-2015, tầm nhìn đến 2020” và được Bộ Xây dựng phê duyệt theo Quyết định số 50/QĐ-BXD ngày 15/01/2013. Đề án tái cấu trúc và quá trình thực hiện đề án sẽ dẫn tới các thay đổi có khả năng tác động đến nhiều mặt hoạt động của Tổng công ty. Nhiệm vụ chính của việc tái cấu trúc có thể được kể đến như sau:

#### *Tái cấu trúc về ngành kinh doanh*

- Tập trung vào các hoạt động kinh doanh có năng lực cạnh tranh cao và là thế mạnh của Tổng công ty, thoái vốn đầu tư tại các hoạt động kinh doanh khác kém hiệu quả.
- Tổng công ty sẽ tái cấu trúc và tập trung vào các hoạt động kinh doanh có thế mạnh bao

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

gồm: (1) Ngành tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC; (2) Ngành Điện và tiến hành thoái toàn bộ những khoản đầu tư tài chính và đầu tư tại các hoạt động kinh doanh khác hoặc đơn vị hoạt động không hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát lại công tác đầu tư để tập trung nguồn lực đầu tư vào các dự án đang thực hiện đầu tư thuộc các hoạt động kinh doanh có thể mạnh, đồng thời tái cấu trúc lại các dự án đầu tư.

### *Tái cấu trúc về tổ chức*

- Xây dựng tổ chức xoay quanh các hoạt động kinh doanh có thể mạnh và kiểm soát 4 quy trình trọng yếu; cơ cấu tổ chức theo thông lệ tốt, bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả.
- Tổng công ty lựa chọn mô hình quản lý là nhà kiểm soát chiến lược, theo đó công ty mẹ sẽ kiểm soát 4 vấn đề trọng yếu gồm: (1) Lựa chọn danh mục kinh doanh và phân bổ vốn; (2) Chiến lược; (3) Nhân sự và (4) Quản lý hiệu quả hoạt động của các công ty con và ngành kinh doanh;
- Cơ cấu tổ chức tại công ty mẹ, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh hiệu quả, có lợi thế cạnh tranh; Tinh gọn bộ máy và tập trung đầu mối quản lý, tương ứng với tiến độ sáp nhập các công ty phù hợp với định hướng ngành nghề kinh doanh.
- Tiến độ tái cấu trúc tổ chức các đơn vị thuộc 2 ngành kinh doanh phù hợp với tiến độ sáp nhập các công ty và mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu tại một số công ty thuộc các lĩnh vực kinh doanh hiệu quả.

### *Tái cấu trúc về tài chính*

- Tiếp tục tăng trưởng doanh thu, lấy ngành tổng thầu xây dựng và tổng thầu EPC và sản xuất điện làm động lực tăng trưởng và nâng cao sức cạnh tranh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty.
- Lành mạnh hóa về tài chính
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt mục tiêu đặt ra trong quá trình tái cấu trúc, bao gồm doanh thu và lợi nhuận.
- Tái cơ cấu các khoản nợ lãi suất cao, thời gian vay ngắn bằng các khoản vay với thời gian vay dài, lãi suất thấp.

### *Tái cấu trúc về quản lý của HĐTV/HĐQT*

Áp dụng quy trình quản lý của HĐTV theo hướng thông lệ tốt nhằm nâng cao tính minh bạch; nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát về chiến lược, tài chính, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

### *Tái cấu trúc về quản trị doanh nghiệp*

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Xây dựng và phát triển hệ thống các quy trình quản lý chính yếu và được vận hành theo thông lệ tốt nhất về: tài chính, nhân sự, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, đấu thầu & lập dự toán, quản lý dự án, quản trị chiến lược, hệ thống thông tin, quản trị thương hiệu....

### *Tái cấu trúc về nguồn nhân lực*

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời chiến lược phát triển của doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh doanh hiệu quả về số lượng và chất lượng.
- Cơ cấu lại lực lượng lao động, tinh giản bộ máy gián tiếp.
- Nâng cao năng lực của lực lượng lao động thông qua việc tuyển dụng, đào tạo, phát triển nghề nghiệp, chế độ đãi ngộ theo hiệu quả công việc.

### *Quản trị sự thay đổi*

- Kiểm soát và giảm thiểu các thách thức của sự thay đổi đồng thời đảm bảo sự thống nhất và ủng hộ trong quá trình triển khai thực hiện để hiện thực hóa thành công Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty.
- Trong kế hoạch phát triển dài hạn của mình, Tổng công ty phấn đấu trở thành công ty xây dựng mạnh hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực, cam kết phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội cao nhất, góp phần sự nghiệp phát triển của đất nước.

## III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

### 1. Mục tiêu, yêu cầu và hình thức cổ phần hóa

#### 1.1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty Sông Đà phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; Sắp xếp lại tổ chức, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; Cùng các nhà đầu tư phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; Thực hiện mục tiêu Tổng công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.

Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

#### 1.2. Yêu cầu cổ phần hóa

Công tác cổ phần hóa của Tổng công ty Sông Đà phải đảm bảo những yêu cầu sau đây:

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

### 1.3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Tổng công ty chọn hình thức cổ phần hóa là kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

## 2. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

### 2.1. Thông tin doanh nghiệp

Tên tiếng Việt: Tổng công ty Sông Đà - CTCP  
Tên viết tắt Tiếng Việt: SÔNG ĐÀ  
Tên tiếng Anh: Song Da Corporation - JSC  
Tên viết tắt tiếng Anh: SONGDA JSC.,  
Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-24) 38541164, (84-24) 38543805, (84-24) 38542578  
Fax: (84-24) 38541161

Biểu trưng (logo):



Email: [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)

Website: <http://www.songda.vn>

### 2.2. Ngành nghề kinh doanh

- Tổng thầu EPC (bao gồm thực hiện toàn bộ các công việc tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng) các công trình: Điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, công nghiệp, giao thông, dân dụng, xử lý nền móng công trình.
- Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm.
- Đầu tư, xây dựng công trình thủy điện, giao thông theo hình thức BOT, BOO, BT.
- Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

---

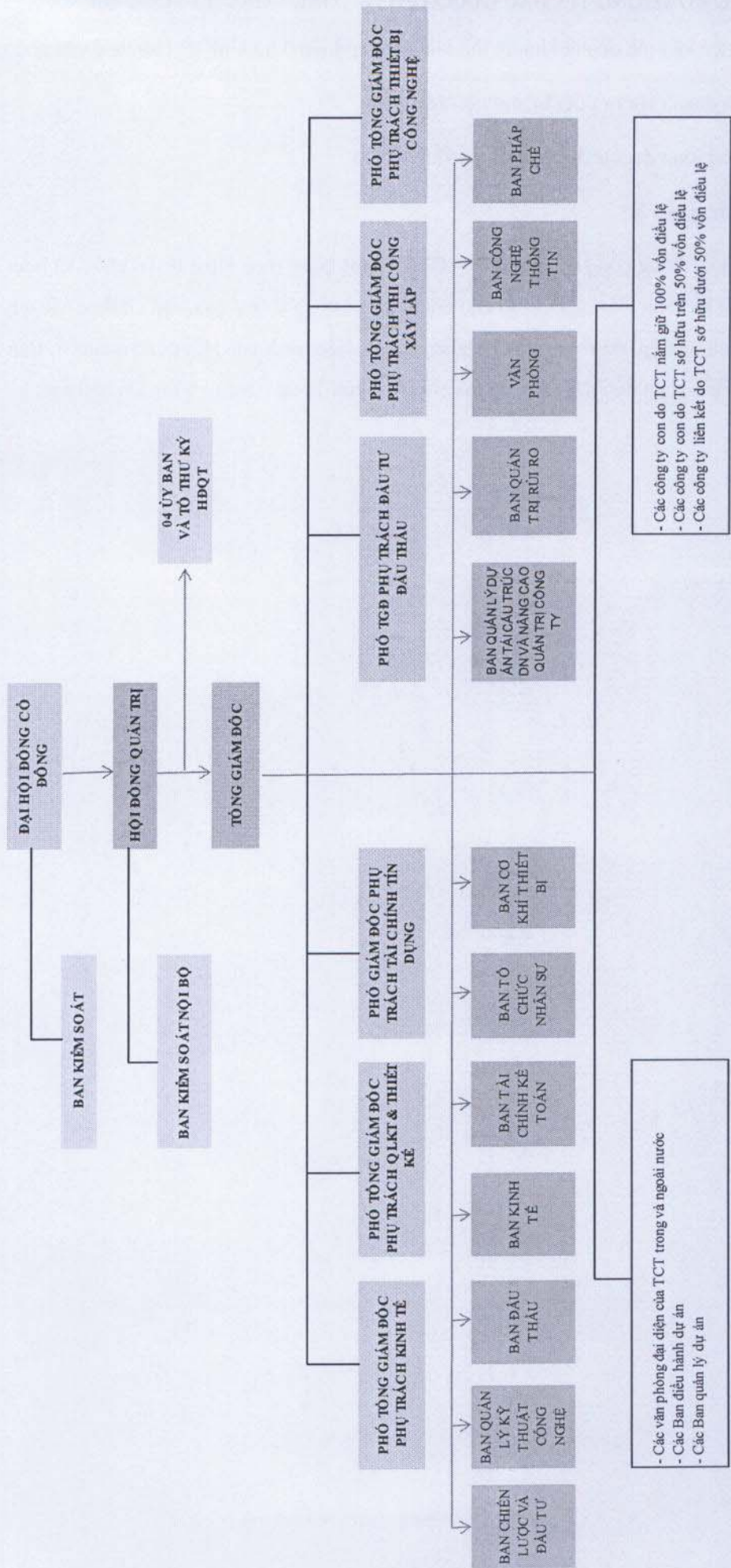
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Các ngành nghề kinh doanh khác pháp luật không cấm.

### 2.3. Cơ cấu tổ chức quản lý

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty Sông Đà – CTCP hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà – CTCP do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc. Dự kiến bộ máy tổ chức của Tổng công ty Sông Đà như sau:

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỎ PHẢN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

**Cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa**



- Các văn phòng đại diện của TCT trong và ngoài nước  
 - Các Ban điều hành dự án  
 - Các Ban quản lý dự án

- Các công ty con do TCT nắm giữ 100% vốn điều lệ  
 - Các công ty con do TCT sở hữu trên 50% vốn điều lệ  
 - Các công ty liên kết do TCT sở hữu dưới 50% vốn điều lệ

*Ghi chú: 04 Ủy ban bao gồm: Chiến lược/tài chính; Quản trị rủi ro; Kiểm soát; Nhân sự. Đây là Cơ cấu tổ chức Tổng công ty cổ phần dự kiến, Cơ cấu tổ chức chính thức sẽ thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.*



**(i) Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và quyết định các vấn đề sau:
  - Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
  - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
  - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổng công ty.

**(ii) Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị Tổng công ty thông qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể.
- Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
  - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
  - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ;
  - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều lệ;

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng; khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban chức năng, Giám đốc Ban quản lý dự án, Giám đốc Ban điều hành dự án và Người quản lý quan trọng khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê chuẩn và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những Người quản lý đó;
- Cử người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
- Quyết định thành lập công ty con, lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác và việc góp, nắm giữ, tăng giảm, thoái vốn và các khoản đầu tư tài chính tại doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- Quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

### (iii) Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### (iv) Ban Tổng giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc)

- Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.
- Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- Giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty có Phó Tổng giám đốc. Số lượng các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

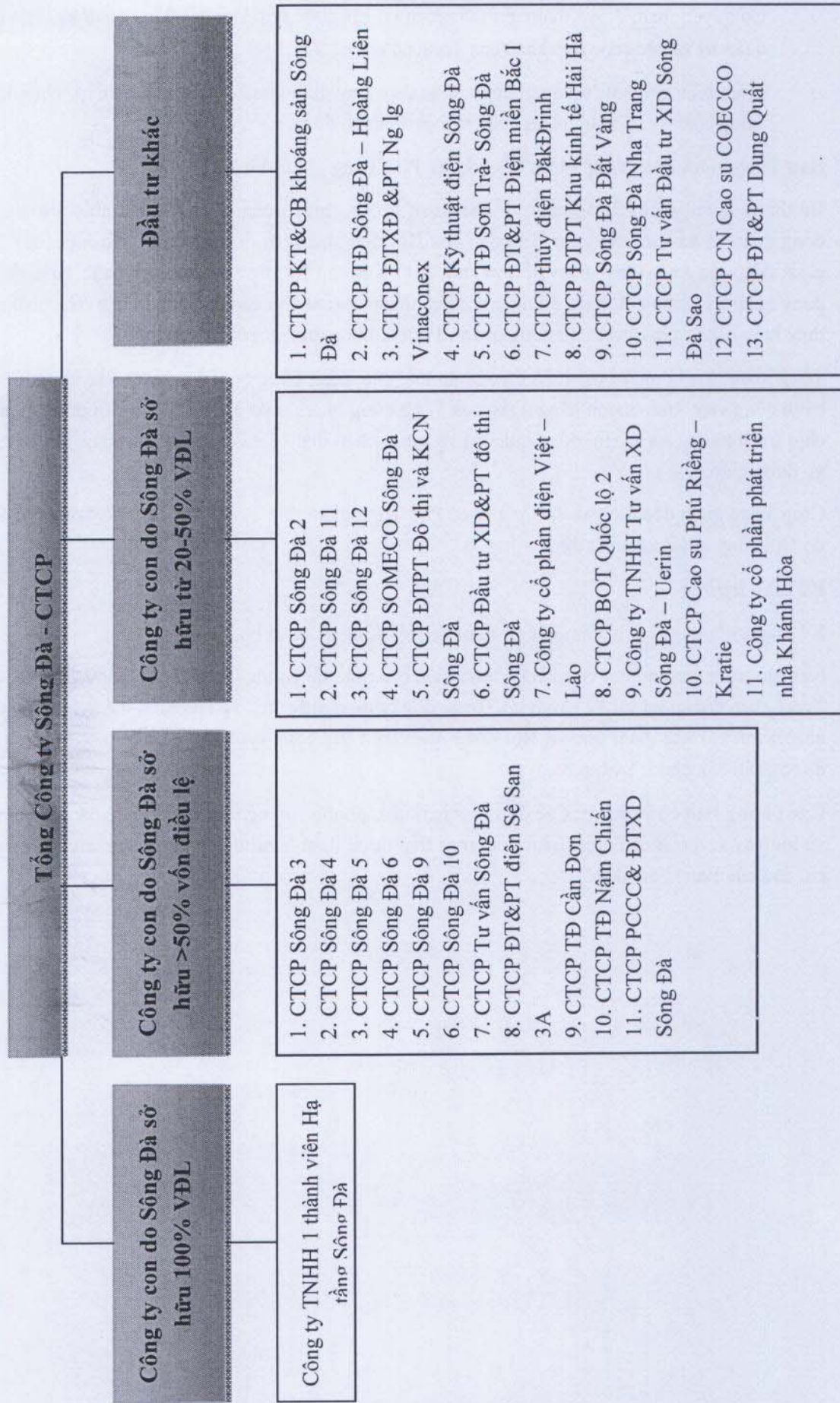
### (v) Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng do Tổng giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

### (vi) Các phòng ban chức năng: Các đơn vị trực thuộc, phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp được điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

2.4. Danh sách các công ty con, công ty liên kết và công ty góp vốn của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Bảng 32: Chi tiết danh sách các công ty con, công ty liên kết và công ty góp vốn của

Tổng công ty sau cổ phần hóa

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư đến 30/06/2017 (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
I	Đầu tư vào công ty con			
a	TCT Sở hữu 100%			
1	Công ty TNHH 1 thành viên Hạ tầng Sông Đà	161.307.047.149	100,00	
b	Sở hữu >50%			
1	CTCP Xi măng Hạ Long (XMHL)	0	0	Đã bàn giao cho Vicem tháng 2/2016
2	CTCP ĐT&PT Điện Sê San 3A	142.800.000.000	51,00	
3	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	557.250.449.375	46,44	Đã trình BXD xin phát hành tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phần riêng lẻ.(dự kiến sau khi tăng vốn, tỷ lệ sở hữu của Sông Đà giảm xuống mức 38,43%).
4	CTCP Thủy điện Cần Đơn	195.182.948.404	50,96	
5	CTCP Sông Đà 5	201.908.800.000	64,16	
6	CTCP Tư vấn Sông Đà	9.289.363.562	51,01	
7	CTCP Sông Đà 10	268.343.698.000	62,27	
8	CTCP Sông Đà 9	216.685.100.440	58,50	
9	CTCP Sông Đà 6	193.378.247.507	65,00	
10	CTCP Sông Đà 3	82.937.094.187	51,00	
11	CTCP Sông Đà 4	65.703.263.029	65,00	
12	CTCP PCCC & ĐTXD Sông Đà	12.750.000.000	51,00	
13	CTCP TĐ Hương Sơn	166.710.500.000	58,37	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
C	Sở hữu <50% nhưng có quyền biểu quyết đa số			

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư đến 30/06/2017 (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	CTCP Sông Đà 12	24.500.000.000	49,00	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
2	CTCP Sông Đà 2	57.272.797.994	40,77	
3	CTCP Điện Việt - Lào	1.097.658.050.909	44,77	
4	CTCP Someco Sông Đà	39.985.986.741	46,15	
II	Đầu tư vào Công ty liên kết			
1	CTCP BOT Quốc lộ 2	44.700.000.000	28,70	
2	CTCP Đầu tư XD&PT đô thị Sông Đà (SDU)	90.000.000.000	30	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
3	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà – Ucrin	2.740.381.875	50,00	
4	CTCP cao su Phú Riềng - Kratie	100.000.000.000	25	
5	CTCP Sông Đà 11	28.212.000.000	26,86	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
6	CTCP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà (SUDICO)	333.904.845.544	36,30	BXD đang xem xét Phương án thoái vốn.
7	Ngân hàng TMCP Quân Đội (chuyển đổi cổ phiếu SDF sang MBB khi Công ty tài chính cổ phần Sông Đà sáp nhập vào MB).	190.000.000.000	0,53	SDFC đã sáp nhập thành công vào Ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 3/2016; tỷ lệ chuyển đổi 2,2 CP (SDF) chuyển đổi 01 CP (MBB); số lượng MBB TCT đang nắm giữ là 8.636.363 CP (tương ứng tỷ lệ nắm giữ 0,529%). Tổng công ty Sông Đà đã thoái toàn bộ vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 28/9/2017
8	Công ty cổ phần phát triển nhà Khánh Hòa	20.886.926.400	36,00	Đã được Bộ Xây dựng chấp thuận thoái vốn.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư đến 30/06/2017 (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
III	Đầu tư tài chính khác			
1	CTCP Đầu tư Phát triển Điện Miền Trung	32.814.400.000	16,41	TCT đã thoái toàn bộ vốn tại SEB trong Quý 3/2017
2	CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà	250.000.000	1,66	
3	CTCP Đầu tư và PTNL Vinaconex	40.230.600.000	8,85	
4	CTCP Thủy điện ĐăkĐrinh	13.020.000.000	1,28	Đã được BXD chấp thuận thoái vốn
5	CTCP TĐ Sơn Trà - Sông Đà	1.536.000.000	10,00	
6	CTCP Thủy điện Nậm Múc	5.880.000.000	1,54	TCT đã thoái vốn toàn bộ tháng 10/2017.
7	CTCP ĐT&PT Dung Quất	538.200.000		
8	CTCP Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	5,00	
9	CTCP Tư vấn Đầu tư XD Sông Đà Sao	300.000.000	5,00	
10	CTCP Sông Đà Nha Trang	5.000.000.000	2,68	
11	CTCP ĐTPPT Khu kinh tế Hải Hà	33.541.200.000	7,00	
12	CTCP ĐTPPT Điện miền Bắc 1	2.000.000.000	0,92	Công ty đã sáp nhập vào CTCP thủy điện Hồ Bốn tháng 8/2016 với tỷ lệ hoán đổi 10 CP Điện MB1 đổi 06 CP CTCP thủy điện Hồ Bốn); tỷ lệ nắm giữ của TCT Sông Đà là 0,92% vốn điều lệ CTCP thủy điện Hồ Bốn. BXD đã chấp thuận thoái vốn
13	CTCP CN Cao su COECCO	4.573.200.000	2,86	
14	CTCP khai thác và CBKS Sông	25.724.000.000	17,57	

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

STT	Khoản đầu tư	Vốn đầu tư đến 30/06/2017 (VNĐ)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
	Đà			
15	CTCP TĐ Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty cổ phần thủy điện Sứ Pán 2)	58.060.000.000	13,82	Đã được BXD chấp thuận chủ trương thoái vốn

**3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

**3.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ**

- (i) Theo Quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 8/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Tổng công ty và Quyết định số 1138/QĐ-BXD ngày 01/11/2017 về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT Sông Đà, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 là 18.550.220.738.854 đồng, trong đó: Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 4.485.961.122.298 đồng. Theo đó, vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đã đầu tư góp vốn vào các Công ty con công ty liên kết, vốn lưu động huy động từ các nguồn khác đủ đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, đã được thể hiện trong báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp.
- (ii) Nhu cầu vốn theo phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty dựa trên nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư sau cổ phần hóa (đầu tư mua sắm thiết bị, đầu tư dự án) nhằm đảm bảo nguồn vốn chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty có định hướng chưa mở rộng quy mô mà duy trì ổn định như hiện tại. Theo đó, Tổng công ty xác định với mức độ quy mô như hiện tại thì nhu cầu vốn điều lệ khoảng từ 4.500 tỷ đồng là hợp lý. Việc xác định mức vốn điều lệ lớn hơn 4.500 tỷ đồng sẽ làm cho hiệu quả sử dụng vốn không cao.
- (iii) Với phần vốn nhà nước được xác định lại như hiện tại (4.485 tỷ đồng) cùng với nguồn thu dự kiến từ kế hoạch thoái vốn đã được Bộ Xây dựng phê duyệt thì nguồn vốn của Tổng công ty Sông Đà sẽ đảm bảo tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu dưới 3 lần theo quy định. Theo báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 5,2 lần (13.650 tỷ đồng/2.646 tỷ đồng) với mức vốn điều lệ xác định là 4.500 tỷ đồng sẽ góp phần làm giảm tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu về mức hợp lý.
- (iv) Mức vốn điều lệ lớn tạo ra áp lực lớn về khả năng hoàn thành các chỉ tiêu EPS và khả năng trả cổ tức cho cổ đông của Tổng công ty. Nếu quy mô vốn điều lệ là 4.500 tỷ đồng thì theo kế hoạch Tổng công ty có thể bảo đảm việc trả cổ tức là 3% trong các năm sau cổ phần hóa.
- (v) Để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo phương án cổ phần hóa có tính khả thi, mức vốn điều lệ của Công ty mẹ Tổng công ty trong những năm đầu sau cổ phần hóa (năm 2017 đến năm 2018) được đề xuất là 4.500 tỷ đồng và sẽ tăng lên trong các năm tiếp theo theo lộ trình và nhu



## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

cầu vốn đầu tư.

### 3.2. Quy mô vốn điều lệ

Quy mô Vốn điều lệ của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa:

- Vốn điều lệ : 4.500.000.000.000đồng.
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần : 450.000.000cổ phần.

### 3.3. Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần do Nhà nước nắm giữ <sup>(*)</sup>	51,00	229.500.000	2.295.000.000.000
2	Cổ phần bán cho CBCNV	0,18	822.000	8.220.000.000
	Cổ phần ưu đãi bán cho CBCNV	0,15	666.000	6.660.000.000
	Cổ phần bán cho CBCNV mua thêm	0,03	156.000	1.560.000.000
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	48,82	219.678.000	2.196.780.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>450.000.000</b>	<b>4.500.000.000.000</b>

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)

(\*) Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 07/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Phương án Cổ phần hóa và chuyển thành công ty cổ phần Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà; Văn bản số 1478/TTg-ĐMDN ngày 29/09/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà : “Bộ Xây dựng là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước cho đến khi Tổng công ty Sông Đà quyết toán cổ phần hóa và bàn giao cho công ty cổ phần, nhưng không quá thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Sau giai đoạn này, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).”

## 4. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

### 4.1. Mục tiêu cơ bản và yêu cầu của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa

#### (i) Mục tiêu

- Xã hội hóa nguồn vốn kinh doanh, bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- Nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, tổ chức chuyên môn hóa trong lĩnh vực xây dựng và thủy điện;
- Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của Tổng công ty trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại Tổng công ty.

#### (ii) Yêu cầu

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

---

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng công ty sau cổ phần hóa;
- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động;
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Bảng 33: Kế hoạch đầu tư phát triển sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN KC-HT	QUY MÔ	TMBT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
	<b>TỔNG CỘNG</b>						1.300	1.600	1.500
<b>A</b>	<b>CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ</b>						-	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà truyền thống TCT Sông Đà	Công ty mẹ TCT	Hòa Bình			9			
<b>B</b>	<b>CÔNG TY DO TCT NẮM GIỮ &gt;50%VDL</b>						500	650	485
<b>I</b>	<b>Các dự án thủy điện</b>						360	345	170
1	Thủy điện Đăk Lô	CTCP TD Đắc Lo-SD3	Kon Tum	2008-2016	22 MW	700	30		
2	Thủy điện Hương Sơn 2	CTCP TD Hương Sơn	Hà Tĩnh	2016-2018	6,4MW	254			
3	Thủy điện Pake	CT CP SD9	Hà Giang	2016-2019	26MW	876	330	345	
4	Dự án thủy điện khác								170
<b>II</b>	<b>Các dự án nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông</b>						-	-	-
1	DA nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn tránh TP Hà Tĩnh	Cty TNHH ITV Hạ tầng SD	Hà Tĩnh	2014-2016	16,5km	305			

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

TT	TÊN DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ/NHÀ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN KC-HT	QUY MÔ	TMBT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
2	DA mở rộng hầm đường bộ Đèo Ngang	Cy TNHH 1TV Hạ tầng SD	Hà Tĩnh, Quảng Bình	2016-2018	3 km	621	140	305	315
<b>III</b>	<b>Các dự án năng cao năng lực thiết bị thi công</b>								
1	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 3	CTCP SD 3					8	30	35
2	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 4	CT CP SD4					15	29	20
3	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 5	CT CP SD5					30	50	60
4	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 6	CT CP SD6					15	63	67
5	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 9	CT CP SD9					20	50	50
6	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 10	CT CP SD10					50	80	80
7	Dự án mua sắm thiết bị thi công của TV SD	CT CP TVSD					2	3	3
<b>B</b>	<b>CÔNG TY TCT NĂM GIỮ =&lt;50%VDL</b>						<b>800</b>	<b>950</b>	<b>1.015</b>
<b>I</b>	<b>Các dự án thủy điện</b>						<b>670</b>	<b>812</b>	<b>910</b>
1	Thủy điện Xékaman 3 (Xử lý theo PA dài hạn)	CTCP Điện Việt Lào	Lào	2016-2019	250MW	65 triệu USD	200	400	300
2	Thủy điện Xékaman 1	CTCP Điện Việt Lào	Lào	2010-2017	322MW	487,17 triệu USD	400		
3	Thủy điện Xékaman 4	CP Điện Việt Lào	Lào	2016-2020	80MW	110 triệu	60	412	610

TT	TÊN DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN KC-HT	QUY MÔ	TMĐT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
						USD			
4	Thủy điện Nậm Chiến	CPTĐ Nậm Chiến	S-n La	2007-2012	200MW	7.540	10		
<b>II</b>	<b>Các dự án nhà ở, khu đô thị</b>						<b>120</b>	<b>90</b>	<b>80</b>
1	Dự án khu dân cư Bắc Vĩnh Hải	Cty TNHH ITV Nhà Khánh Hòa	Khánh Hòa	2007-2016	11,7 ha	237	20		
2	Dự án Lạc Hòa- Cam Ranh	Cty TNHH ITV Nhà Khánh Hòa	Khánh Hòa	2009-2016	0,5ha	13	1		
3	Dự án KĐT Hồ điều hoà Xương Rồng	CTCP Sông Đà 2	Thái Nguyên	2010-2020	45,3 ha	1.200	100	90	80
<b>III</b>	<b>Các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công</b>						<b>10</b>	<b>48</b>	<b>25</b>
1	Dự án mua sắm thiết bị thi công của Sông Đà 2	CTCP SD 2					9	45	15
2	Dự án mua sắm thiết bị thi công của CKLM SD	CT CP CKLM SD					1	3	10

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà)

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

4.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà

Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2017				KẾ HOẠCH NĂM 2018				KẾ HOẠCH NĂM 2019			
			Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng
			Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VDL	Các công ty TCT giữ <=50% VDL		Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VDL	Các công ty TCT giữ <=50% VDL		Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VDL	Các công ty TCT giữ <=50% VDL	
I	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	12.000	2.400	6.600	3.000	12.500	3.000	7.170	2.330	13.500	3.500	7.490	2.510
	Tốc độ tăng trưởng	%	-17				4				8			
	<i>Chia theo ngành:</i>													
1	Tổng thầu xây dựng và EPC	10 <sup>9</sup> đ	7.750	1.525	5.330	895	9.150	2.335	5.865	950	9.880	2.798	6.115	967
	Chiếm tỷ trọng trong TGTSXKD	%	65%				73%				73%			
	Trong đó: Giá trị tư vấn	10 <sup>9</sup> đ	99		78	21	83		83		85		85	
2	Sản xuất điện	10 <sup>9</sup> đ	3.000	320	900	1.780	2.290	335	920	1.035	2.500	340	980	1.180
	Chiếm tỷ trọng trong TGTSXKD	%	25%				18%				19%			
3	Kinh doanh nhà	10 <sup>9</sup> đ	250	45		205	260	45		215	290	67		223
	Chiếm tỷ trọng trong TGTSXKD	%	2%				2%				2%			
4	Giá trị kinh doanh khác	10 <sup>9</sup> đ	1.000	510	370	120	800	285	385	130	830	295	395	140
	Chiếm tỷ trọng trong TGTSXKD	%	8%				6%				6%			
II	Các chỉ tiêu tài chính													

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2017				KẾ HOẠCH NĂM 2018				KẾ HOẠCH NĂM 2019			
			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó		
				Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VĐL	Các công ty TCT giữ <=50% VĐL		Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VĐL	Các công ty TCT giữ <=50% VĐL		Công ty mẹ	Các công ty TCT giữ >50% VĐL	Các công ty TCT giữ <=50% VĐL
1	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	10.700	1.964	6.200	2.536	10.900	2.400	6.600	1.900	11.700	2.900	6.800	2.000
2	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	320	116	150	54	430	207	200	23	500	216	250	34
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	500	40	310	150	460	60	390	10	550	65	465	20
4	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	8.500	4.500	3.980	3.260	9.200	4.533	4.400	2.100	9.500	4.540	4.600	2.200
5	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	27.000	13.000	11.000	13.000	31.000	17.500	13.500	10.000	32.000	18.000	15.000	11.000
6	Tỷ suất													
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/DT)	%	3,0%	5,9%			3,9%	8,6%			4,3%	7,4%		
	ROE (LN trước thuế/VCSH)	%	3,8%	2,6%			4,7%	4,6%			5,3%	4,8%		
	ROA (LN trước thuế/Tổng TS)	%	1,2%	0,9%			1,4%	1,2%			1,6%	1,2%		
7	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	2,2	1,9			2,4	2,9			2,4	3,0		
<b>III</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	<b>10<sup>9</sup></b>	<b>1.300</b>		<b>500</b>	<b>800</b>	<b>1.600</b>		<b>650</b>	<b>950</b>	<b>1.500</b>		<b>485</b>	<b>1.015</b>
<b>IV</b>	<b>SẢN PHẨM SXCN</b>													
+	Điện	10 <sup>6</sup> Kwh	3.014	292	830	1.892	2.257	300	857	1.100	2.390	310	930	1.150

\* Sản xuất thép và phối thép: Công ty mẹ - TCT Sông Đà đã hoàn thành việc thoái vốn tại CTCP Thép Việt Ý theo đề án tái cấu trúc được phê duyệt vào tháng 8/2016.

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà)

**4.4. Kế hoạch sản lượng**

Bảng 35: Kế hoạch sản lượng Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa

*Đvt: tỷ đồng*

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>KẾ HOẠCH NĂM 2017</b>	<b>KẾ HOẠCH NĂM 2018</b>	<b>KẾ HOẠCH NĂM 2019</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.400</b>	<b>3.000</b>	<b>3.500</b>
<b>I</b>	<b>Giá trị kinh doanh xây lắp</b>	<b>1.525</b>	<b>2.335</b>	<b>2.798</b>
<b>1</b>	<b>Giá trị kinh doanh xây lắp các công trình Công ty Mẹ trúng thầu</b>	<b>1.495</b>	<b>2.277</b>	<b>2.730</b>
<b>1.1</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>	<b>305</b>	<b>377</b>	<b>250</b>
	Thủy điện Lai Châu	3		
	Thủy điện Huội Quảng			
	Thủy điện Xêkaman 3 (PA xử lý dài hạn)	200	377	250
	Thủy điện Xêkaman 1	60		
	Thủy điện Đồng Nai 5	9		
	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (Gói thầu số 4)	17		
	Đường dây 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	15		
<b>1.2</b>	<b>Công trình dự kiến tiếp thị đấu thầu</b>	<b>1.190</b>	<b>1.900</b>	<b>2.480</b>
<i>a</i>	<i>Các công trình thủy điện</i>	990	1.600	2.080
<i>*</i>	<i>Các công trình thủy điện trong nước</i>	100	700	1.000
	Thủy điện Yaly mở rộng	100	400	400
	Thủy điện Hòa Bình mở rộng		300	500
	Các công trình khác dự kiến đấu thầu			100
<i>*</i>	<i>Các công trình ở nước ngoài (Lào, Camuchia, Malaysia, ...)</i>	890	900	1.080
	Thủy điện Xêkaman 4		200	380
	Thủy điện Nam Theun 1	890	600	400



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
	Các công trình khác dự kiến đấu thầu		100	300
<i>b</i>	<i>Các công trình nhiệt điện</i>	50	50	100
<i>c</i>	<i>Các công trình giao thông (bao gồm cả đường sắt đô thị)</i>	50	100	100
<i>d</i>	<i>Các công trình hạ tầng công nghiệp</i>	50	100	100
<i>e</i>	<i>Các công trình đường dây và trạm biến áp</i>	50	50	100
<b>2</b>	<b>Giá trị thu từ các nhà thầu thành viên, B phụ của TCT</b>	<b>30</b>	<b>57</b>	<b>68</b>
<b>II</b>	<b>Giá trị SXKD điện</b>	<b>320</b>	<b>335</b>	<b>340</b>
	Sản lượng điện TĐ Cần Đơn (triệu Kwh)	292	300	310
<b>III</b>	<b>Giá trị kinh doanh nhà</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>67</b>
1	Cho thuê VP HH4	40	40	61
2	Cho thuê VP G10	5	5	6
<b>IV</b>	<b>Giá trị kinh doanh khác</b>	<b>510</b>	<b>285</b>	<b>295</b>
1	Giá trị kinh doanh thiết bị (gói thầu EPC)	270		
2	Hoạt động tài chính	240	285	295

Trong giai đoạn tới, Tổng công ty Sông Đà tập trung tiếp thị đấu thầu và thi công các công trình có lợi thế, hiệu quả ở trong nước và nước ngoài, cụ thể:

- Đối với các công trình thủy điện trong nước:
  - Thủy điện Hòa Bình mở rộng do Tập đoàn điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư có công suất tăng thêm 480MW với Tổng mức đầu tư sơ bộ khoảng 8.596 tỷ đồng, dự án sẽ khởi công năm 2019, phát điện TM1 vào năm 2021 và TM2 vào năm 2022. Tổng công ty Sông Đà là nhà thầu chính đã thi công thủy điện Hòa Bình.
  - Thủy điện Yaly mở rộng do Tập đoàn điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư có công suất tăng thêm 360MW với Tổng mức đầu tư sơ bộ khoảng 6.045 tỷ đồng, dự án sẽ khởi công năm 2018, phát điện 2TM1 vào năm 2021. Tổng công ty Sông Đà là nhà thầu chính đã thi công thủy điện Yaly.
- Đối với các công trình thủy điện ở nước ngoài:

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

- Thủy điện Nam Theun 1 tại Lào có công suất 650MW do Công ty TNHH TĐ Nam Theun 1 là công ty thành viên của Phonesack Group Ltd làm chủ đầu tư, TCT Sông Đà là nhà thầu trong liên danh (chiếm 30% trong liên danh) đã trúng thầu Gói thầu A “ Công tác xây dựng và công tác cơ khí thủy công” với tổng giá trị là 464 triệu USD, dự kiến hoàn thành công trình vào tháng 01/2021.
- Thủy điện Xékaman 4 tại Lào do Công ty CP Điện Việt Lào làm nhà đầu tư, có công suất 70MW với Tổng mức đầu tư là 165,9 triệu USD, dự kiến sẽ khởi công năm 2018 và hoàn thành năm 2021.
- Bên cạnh đó TCT tiếp tục thi công phương án xử lý vĩnh cửu thủy điện Xékaman 3 và tiếp thị, đấu thầu các dự án thủy điện tại Lào và dần mở rộng thị trường ra các nước (Nepal, Myanmar, Malaysia,...).

### 4.5. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà

Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>9</sup> đ	<b>2.400</b>	<b>3.000</b>	<b>3.500</b>
1	Tổng thầu xây dựng và EPC	10 <sup>9</sup> đ	1.525	2.335	2.798
2	Sản xuất điện	10 <sup>9</sup> đ	320	335	340
3	Giá trị kinh doanh nhà	10 <sup>9</sup> đ	45	45	67
4	Giá trị kinh doanh khác	10 <sup>9</sup> đ	510	285	295
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>				
1	Tổng doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	1.964	2.400	2.900
2	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	116	207	216
3	Nộp nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	40	60	65
4	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	4.500	4.500	4.500
5	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	4.500	4.533	4.540
6	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	13.000	17.500	18.000
7	Tỷ suất				
	Lợi nhuận cận biên (LNST/DT)	%	5,3%	7,8%	6,7%

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
	ROE (LNST/VCSH)	%	2,3%	4,1%	4,3%
	ROA (LNST/Tổng TS)	%	0,8%	1,1%	1,1%
	EPS	đồng	331	348	377
8	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,89	2,86	2,96
9	Tỷ lệ cổ tức	%	2,0%	3,0%	3,0%
<b>III</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
1	Nhu cầu lao động bình quân	Người	406	398	380
2	Thu nhập bình quân người /tháng	10 <sup>3</sup> đ	13.000	13.500	14.000
<b>IV</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>5.278</b>	<b>5.373</b>	<b>5.320</b>
<b>V</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	10 <sup>9</sup> đ	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

*(Nguồn: Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**4.6. Giải pháp thực hiện**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Tổng công ty Sông Đà đưa ra những giải pháp như sau:

**(i) Về ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà – CTCP như sau:

- Tổng thầu EPC (bao gồm thực hiện toàn bộ các công việc tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng) các công trình: Điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, công nghiệp, giao thông, dân dụng, xử lý nền móng công trình.
- Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm.
- Đầu tư, xây dựng công trình thủy điện, giao thông theo hình thức BOT, BOO, BT.
- Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp.
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng.
- Các ngành nghề kinh doanh khác pháp luật không cấm.

**(ii) Tái cấu trúc Doanh nghiệp**

- Để hiện thực hóa chiến lược kinh doanh, có thể hoạt động hiệu quả hơn cả về mặt vận hành và cơ cấu tổ chức, chương trình tái cấu trúc mang tính thực tế và khả thi, thì tái cấu trúc về tổ chức

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Tổng công ty Sông Đà cần phải được triển khai đồng bộ, toàn diện theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 như đã trình Bộ Xây dựng
- Cùng cố phát triển các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả và lợi thế cạnh tranh.
- Thoái vốn các đơn vị và các khoản đầu tư tài chính còn lại theo kế hoạch.
- Lành mạnh tài chính của toàn tổ hợp; Nâng cao tiềm lực tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Cùng cố các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Tiếp tục cập nhật và áp dụng các hệ thống quản lý, quy trình, quy định về an sinh xã hội (bao gồm các vấn đề về quản lý môi trường, tác động xã hội, an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp....) và bình đẳng giới để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà phát triển bền vững hơn, hài hòa với sự phát triển của xã hội.

### (iii) Giải pháp về quản lý tổ chức điều hành sản xuất, kinh doanh

- Chi đạo quyết liệt để đảm bảo hoàn thành mục tiêu, tiến độ, chất lượng và an toàn xây lắp các công trình trọng điểm của Nhà nước, các dự án đầu tư của Sông Đà và của các đơn vị thành viên; Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực như: xe máy, thiết bị, nhân lực để thi công thủy điện Yaly, Hòa Bình mở rộng và các công trình, dự án khác theo định hướng chiến lược của Sông Đà và của các đơn vị đã đề ra.
- Phân cấp, ủy quyền triệt để theo khả năng và năng lực quản trị doanh nghiệp, tạo ra cơ chế chủ động, tạo động lực phát triển cho từng cá nhân và từng doanh nghiệp trong TCT, đáp ứng yêu cầu phát triển, đảm bảo hoạt động SXKD ổn định, hiệu quả và tích lũy vốn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết, kể cả công ty cấp III, trong đó tập trung kiểm tra về công tác tài chính, đầu tư, kỹ thuật chất lượng,...
- Nghiên cứu, áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo thông lệ quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh; Thực hiện công khai, minh bạch thông tin; Tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để tăng hiệu quả SXKD, tăng thu nhập và thu hút được nhiều nhân lực chất lượng cao về công tác tại TCT và các đơn vị thành viên.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên thuộc các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động SXKD, đầu tư để kịp thời phát hiện, phòng ngừa và khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, cũng như thi công nhằm tăng hiệu quả đầu tư, SXKD trong toàn Tổng công ty; Duy trì và phát triển việc giao ban trực tuyến với các công trường để tăng hiệu quả quản lý

điều hành, giảm chi phí điều hành.

**(iv) Giải pháp về thị trường**

- Hàng năm xây dựng kế hoạch, chiến lược tiếp thị đấu thầu các dự án trọng điểm của Nhà nước, của các Tập đoàn, TCT trong nước thuộc các lĩnh vực điện, hạ tầng giao thông, dân dụng và công nghiệp ở trong và ngoài nước, có sự phân công, phân vùng thống nhất trong TCT; Đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện nhằm đảm bảo đủ việc làm cho lực lượng lao động, xe máy thiết bị của TCT và các đơn vị thành viên để TCT phát triển ổn định và bền vững. Phần đấu trúng thầu đạt bình quân 10.000 tỷ đồng/năm.
- Cùng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia tiếp thị, đấu thầu các dự án, công trình lớn trong nước, đặc biệt là thủy điện Yaly và Hòa Bình mở rộng. Xây dựng mạng lưới khách hàng tiềm năng, giữ vững uy tín với các khách hàng hiện có và lựa chọn các đối tác cho từng phân khúc thị trường, từng dự án.
- Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục xây dựng các quy trình quản lý, thi công chuẩn để có giá thành cạnh tranh, xây dựng các đội công trình mạnh. Tăng cường đào tạo các cán bộ quản lý điều hành dự án theo tiêu chuẩn quốc tế. Thực hiện sự chỉ đạo thống nhất từ TCT đến các đơn vị thành viên để hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện đấu thầu.
- Từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển thị trường hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực, từng ngành nghề kinh doanh chính của TCT để đảm bảo mở rộng sản xuất, đầu tư, cũng như giải quyết việc làm cho người lao động.
- Hợp tác với các đối tác nước ngoài trong việc đào tạo nguồn nhân lực và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để hợp tác đấu thầu, đào tạo nhân lực cho Tổng công ty thi công các dự án giao thông đường sắt đô thị (ngầm và trên cao) tại 2 thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
- Triển khai thực hiện hợp tác, liên doanh với một số nhà thầu lớn ở nước ngoài để tham gia đấu thầu các gói thầu, dự án thuộc lĩnh vực, thế mạnh của TCT tại Lào và dần mở rộng thị trường ra các nước.

**(v) Giải pháp về tài chính - tín dụng**

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính, trong đó đa dạng hóa các kênh huy động vốn như: Từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, vốn ODA, nguồn vốn ưu đãi của chính phủ các nước, thị trường chứng khoán để đảm bảo thu xếp đủ vốn đáp ứng hoạt động SXKD và đầu tư của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên, đặc biệt đối với các dự án tại Lào.
- Cơ cấu lại các công ty con, liên kết theo đề án tái cấu trúc của Tổng công ty đã được phê duyệt và phương án cơ cấu lại TCT giai đoạn 2017-2020 được phê duyệt.
- Hàng năm từ Tổng công ty đến các đơn vị phải xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc kế

hoạch tiết kiệm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tập trung thu vốn tại các công trường lớn, đặc biệt giải quyết những tồn tại trong công tác nghiệm thu thanh toán tại các công trường có nhiều vướng mắc và có khối lượng dở dang lớn.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát vốn đầu tư ra ngoài của TCT thông qua việc minh bạch vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của người đại diện phần vốn của TCT Sông Đà.
- Tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên TCT tăng cường công tác hạch toán SXKD, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp, đảm bảo SXKD có hiệu quả, tích lũy vốn để phát triển.
- Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế tại các đơn vị thành viên, đặc biệt tập trung phân tích, tìm giải pháp xử lý đối với những đơn vị SXKD thua lỗ, hiệu quả thấp.
- Chỉ đạo các đơn vị tập trung thực hiện quyết toán vốn đầu tư các dự án đã hoàn thành.
- Xây dựng các quy định quản lý hoạt động của các đơn vị thành viên, đặc biệt khi TCT hướng tới mô hình quản lý chiến lược. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để tăng hiệu quả SXKD; tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động tại các công trường.

**(vi) Giải pháp về kinh tế**

- Tập trung giải quyết kịp thời các vướng mắc với Chủ đầu tư, các Bộ, ngành liên quan về các vấn đề kinh tế như: cơ chế thực hiện dự án, chế độ tiền lương, định mức, đơn giá, tỷ lệ khấu hao các dây chuyền, xe máy thiết bị đặc chủng. Đồng thời, xây dựng các định mức kinh tế nội bộ đối với các công trình do Tổng công ty làm Tổng thầu nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế giữa các đơn vị thi công và Tổng công ty.
- Xây dựng và củng cố lực lượng cán bộ nghiệp vụ từ TCT đến các đơn vị để nâng cao chất lượng trong công tác ký kết và thực hiện hợp đồng, nhằm thực hiện bằng được công tác quản lý điều hành thi công các công trình thông qua hợp đồng đã ký.
- Xây dựng các cơ chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban điều hành trong công tác điều hành thi công, thu vốn và quyết toán các dự án.
- Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành xây dựng cơ chế về giá bán điện phù hợp với các nước trong khu vực; Điều chỉnh giá điện các dự án: Xêkaman 1, Xekaman 3, Nậm Chiến, Sê San 3A. Đàm phán giá điện dự án thủy điện Xêkaman 4.
- Quyết toán xong các dự án Tổng công ty làm Tổng thầu thực hiện theo cơ chế chỉ định thầu.
- Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu Sông Đà giai đoạn I, bao gồm: Chiến lược chuyển đổi nhãn hiệu mới, chiến lược đào tạo thương hiệu, chiến lược truyền thông thương hiệu và quản lý thương hiệu, nhằm mở rộng và nâng cao uy tín, giá trị thương hiệu của TCT cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

**(vii) Về phát triển nguồn nhân lực**

- Để đảm bảo đáp ứng đủ nguồn lực cho Tổng công ty, từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên phải xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, từ khâu lựa chọn, tiếp nhận, sử dụng, đào tạo, đánh giá và đãi ngộ.
- Xây dựng chính sách khuyến khích, động viên và chế độ đãi ngộ cụ thể (về tiền lương, điều kiện làm việc, cơ hội thăng tiến và các ưu đãi khác), đặc biệt phải có bước đột phá trong trả lương đối với cán bộ công nhân viên, cán bộ quản lý, để giữ và thu hút lao động có tay nghề cao, cán bộ có năng lực, trình độ giỏi.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập thông qua việc thực hiện tốt quy hoạch cán bộ, củng cố, nâng cao chất lượng, qui mô đào tạo tại các cơ sở đào tạo của TCT, cũng như liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Xây dựng kế hoạch đào tạo đúng với nhu cầu của TCT, nhằm đa dạng hóa các hình thức đào tạo (trong nước, ngoài nước, dài hạn, ngắn hạn, tại chỗ...), trong đó tập trung đào tạo ngoại ngữ cho CBCNV và đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật để tham gia thi công đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Tiếp tục triển khai công tác đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt theo yêu cầu của ADB.
- Cơ cấu lại lực lượng lao động theo hướng tinh giảm bộ máy gián tiếp tại công ty mẹ và các công ty con và liên kết theo ngành kinh doanh chính, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ gián tiếp giảm xuống 20% Tổng số lao động. Thực hiện quản lý nhân sự thông qua việc đánh giá hiệu quả công việc (KPI).
- Tập trung xây dựng đời sống và môi trường văn hóa lành mạnh; coi trọng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, kinh doanh và giao tiếp, ứng xử trong TCT.

**(viii) Giải pháp về đầu tư**

- Trong những năm tiếp theo, được dự báo tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước còn khó khăn và diễn biến phức tạp, nên việc huy động vốn cho đầu tư còn gặp khó khăn; Bên cạnh đó tiềm lực tài chính của TCT còn hạn chế. Do vậy trong công tác đầu tư của Tổng công ty định hướng như sau:
- Tập chung chỉ đạo quyết liệt, tìm mọi biện pháp để phát điện các nhà máy thủy điện Xêkaman Xanxay (năm 2017), Pake (năm 2018). Thực hiện đầu tư dự án thủy điện Xêkaman 4 tại Lào và kiên trì làm việc với Chính phủ Lào để giao cho CTCP điện Việt Lào làm CĐT thủy điện Sêkông 3.
- Tiếp tục thực hiện rà soát các dự án đầu tư (từ thủ tục đầu tư, tổ chức quản lý điều hành, TMĐT, thiết kế, dự toán, vốn, đánh giá lại hiệu quả dự án,..) để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác đầu tư; thực hiện thoái vốn hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư có hiệu quả không cao, các dự án vượt quá khả năng tài chính của đơn vị, kể cả các dự án đã đi

vào vận hành.

- Tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ (công suất  $\geq 30\text{MW}$ ) có hiệu quả kinh tế ở trong nước, phù hợp với năng lực tài chính của TCT để triển khai thực hiện đầu tư. Xử lý kịp thời, linh hoạt để các đơn vị thành viên TCT có năng lực tài chính đầu tư các dự án có hiệu nhằm gia tăng tiềm lực tài chính cho đơn vị.
- Cân đối nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xác định số lượng thiết bị cần đầu tư để đầu tư nâng cao năng lực thiết bị có công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD. Đặc biệt công nghệ thi công hầm trong đất, hầm giao thông trong các đô thị để sẵn sàng đảm nhận thi công hệ thống giao thông ngầm trong các đô thị lớn như: TP.Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh.
- Thực hiện việc áp dụng các quy trình quản lý dự án hiện đại, hiệu quả theo thông lệ quốc tế nhằm đạt được hiệu quả trong lập kế hoạch, quản lý, kiểm soát quy trình thực hiện để đưa dự án vào vận hành đúng tiến độ, theo đúng tổng mức đầu tư được duyệt (TMDT ban đầu).

**(ix) Giải pháp về quản lý kỹ thuật, chất lượng và an toàn lao động**

- Tập trung chỉ đạo các công trường, đơn vị thi công xây lắp đảm bảo chất lượng, theo đúng tiến độ đã thỏa thuận với Chủ đầu tư.
- Chấn chỉnh lại hoạt động tư vấn xây dựng thông qua việc rà soát, bổ sung lực lượng kỹ sư, cử nhân thực sự có năng lực chuyên môn để nâng cao chất lượng công tác lập dự án đầu tư, thiết kế, giám sát, nhằm đáp ứng được yêu cầu hội nhập và phát triển của TCT.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm xây lắp. Thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động tại các công trường, nhà máy.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cho các sản phẩm như: công nghệ đào hầm trong đất; cốp pha trong thi công bê tông,...nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu và thi công các dự án có yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật cao.
- Không ngừng nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất kinh doanh: Khoa học công nghệ phải trở thành động lực phát triển của doanh nghiệp, đóng vai trò chủ đạo trong việc nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển tăng trưởng nhanh, bền vững của doanh nghiệp.
- Kiện toàn hệ thống tổ chức, đào tạo và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên viên làm công tác quản lý khoa học công nghệ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin khoa học công nghệ. Chủ động trong công tác tìm kiếm, phổ biến các thành tựu khoa học công nghệ mới tạo tiền đề cho các hoạt động nghiên cứu đổi mới công nghệ.

**5. Phương án sử dụng đất của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa**

**5.1. Đất tại Hà Nội**



## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Căn cứ Nghị quyết số 296/TCT-HĐTV ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty và Công văn số 916/UBND-KT ngày 06/02/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phương án sử dụng đất của Tổng công ty khi thực hiện cổ phần hóa với các nội dung như sau:

- Đối với cơ sở nhà, đất tại ô đất số HH4 khu đô thị mới Mỹ Đình, Mễ Trì, huyện Từ Liêm – nay là tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội: Tổng công ty được tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BM666180 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 28/01/2013.
- Đối với cơ sở nhà, đất tại nhà G10 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội: tiếp tục sử dụng làm trụ sở làm việc theo Quyết định cho thuê đất số 5601/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.
- Khu đất cơ sở II Hà Đông, Hà Nội: Theo văn bản số 962/TCT-CLĐT mà Tổng công ty Sông Đà đã gửi Ủy ban Nhân dân Tp. Hà Nội và văn bản thông báo số 5368/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Tp. Hà Nội, Tổng công ty Sông Đà sẽ bàn giao lại cho chính quyền quản lý và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân của tòa nhà.

### 5.2. Đất tại Hòa Bình

Căn cứ Nghị quyết số 296/TCT-HĐTV ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà và Công văn số 1664/UBND-NNTN ngày 23/12/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phương án sử dụng đất của Tổng công ty Sông Đà khi thực hiện cổ phần hóa với nội dung như sau:

Nhà truyền thống của Tổng công ty tại tỉnh Hòa Bình: tiếp tục sử dụng làm nhà truyền thống của Tổng công ty và không thuộc đối tượng thuê đất và hàng năm không phải nộp tiền thuê đất.

### 5.3. Đất do Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà quản lý và sử dụng

Căn cứ Văn bản số 1097/UBND-NL<sub>2</sub> ngày 19/3/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình, phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà như sau:

Bảng 37: Phương án sử dụng đất Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà

TT	Khu đất	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
I	<b>Các Ô đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</b>			
1	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1.252	Xây dựng Trạm cứu hộ, trạm cứu hỏa thuộc Công trình Hầm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 2455/QĐ/UB - NL3 ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất và chuyển sang thuê

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

<b>TT</b>	<b>Khu đất</b>	<b>Diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Mục đích sử dụng đất</b>	<b>Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa</b>
				đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
2	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1.152	xây dựng Cửa hàng xăng dầu, khu dịch vụ ăn uống thuộc Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Quyết định số 2455/QĐ/UB - NL3 ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao đất và chuyển sang thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
3	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	60.981,8	xây dựng cửa hầm giao thông, cầu, đường, Trạm thu phí, Trụ sở Công ty B.O.T, đường điện 35/0,4KV	Thực hiện theo Quyết định số 490/QĐ/UB-NL3 ngày 13/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và phải điều chỉnh thời gian sử dụng đất từ lâu dài sang có thời hạn.
4	Xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	80.548,6	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ thi công Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Đã hết thời hạn sử dụng đất, trả lại đất cho địa phương.
5	Xã Huyện Thạch Hà, Huyện Cẩm Xuyên, Phường Thạch Linh-TP Hà Tĩnh	461.952,03	Xây dựng đường QL 1A đoạn tránh TP. Hà Tĩnh	Tiếp tục giao đất và miễn tiền sử dụng đất hàng năm để tiếp tục sử dụng theo mục đích đang sử dụng
6	Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	1.180	Xây dựng văn phòng Trạm thu phí Cầu Rác	Tiếp tục cho thuê đất để xây dựng công trình, dự án và nộp tiền sử dụng đất hàng năm
7	Xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	405	Xây dựng nhà ở cho CBCNV và các Công trình khác	Lập hồ sơ thuê đất sử dụng vào mục đích đất thương mại, dịch vụ với thời gian sử dụng đất 50 năm; nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.
<b>Tổng cộng</b>		<b>607.471,43</b>		
<b>II</b>	<b>Các Ô đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình</b>			
1	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	42.663	Xây dựng các hạng mục hầm, cầu và đường dẫn - Dự án Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 812/QĐ-UB ngày 16/4/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất và

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

TT	Khu đất	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
				giao đất tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch xây dựng Hàm đường bộ qua Đèo Ngang.
2	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	56.968	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ thi công Công trình Hàm đường bộ qua Đèo Ngang - Dự án Hàm đường bộ qua Đèo Ngang	Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 812/QĐ-UB ngày 16/4/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất và giao đất tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch xây dựng Hàm đường bộ qua Đèo Ngang.
<b>Tổng cộng</b>		<b>99.631</b>		

**IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

**1. Phương thức chào bán**

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt, đối tượng chào bán và phương thức bán cổ phần được tóm tắt như bảng sau:

TT	Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần do Nhà nước nắm giữ	51,00	229.500.000	2.295.000.000.000
2	Cổ phần bán cho CBCNV	0,18	822.000	8.220.000.000
	<i>Cổ phần ưu đãi bán cho CBCNV</i>	<i>0,15</i>	<i>666.000</i>	<i>6.660.000.000</i>
	<i>Cổ phần bán cho CBCNV mua thêm</i>	<i>0,03</i>	<i>156.000</i>	<i>1.560.000.000</i>
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	48,82	219.678.000	2.196.780.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>450.000.000</b>	<b>4.500.000.000.000</b>

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**1.1. Bán đấu giá công khai**

**(i) Hình thức chào bán**

Số lượng cổ phần Tổng công ty Sông Đà chào bán lần đầu ra bên ngoài thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là 219.678.000 cổ phần, tương ứng với 48,82% vốn điều lệ của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

**(ii) Xác định giá khởi điểm**

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng trên cơ sở:

- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Sông Đà tại Quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 08/07/2016 của Bộ Xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Sông Đà và Quyết định số 1138/QĐ-BXD ngày 01/11/2017 về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT Sông Đà.
- Tình hình thực tế và triển vọng phát triển của Tổng công ty Sông Đà trong tương lai.
- Đánh giá tình hình thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và trong khu vực.
- Tại Phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng xác định mức giá khởi điểm thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu.
- Giá khởi điểm được phê duyệt theo Quyết định số 1152/QĐ-BXD ngày 09/11/2017 của Bộ Xây dựng là: 11.000 đồng/cp.

### 1.2. Cổ phần bán cho người lao động

#### (i) Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực cho người lao động gắn với sự phát triển của Tổng công ty Sông Đà sau cổ phần hóa.

#### (ii) Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi

- Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần.
- Thời gian làm việc thực tế trong khu vực Nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần ưu đãi, bao gồm:
  - Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; cơ quan hành chính Nhà nước; đơn vị sự nghiệp Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước;
  - Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, ngân sách Nhà nước (thời gian đào tạo, công tác,...) hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);
  - Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc mà trong thời gian này doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội

cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước.
- Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được Đại hội CBCNVC thông qua.

**(iii) Nguyên tắc xác định số cổ phần chào bán thêm cho người lao động**

- Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện theo danh sách đã được Đại hội CBCNVC thông qua.
- Đối tượng được mua thêm cổ phần là cán bộ, công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm công bố GTDN, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa ít nhất là 03 năm (kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu). Theo đó, người lao động được mua thêm:
  - Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty nhưng không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
  - Đối với người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

**(iv) Quy mô chào bán**

- Tổng số lao động của Công ty mẹ - Tổng công ty và Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà có trong danh sách tại thời điểm ngày 08/07/2016 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại Tổng công ty cổ phần: 412 người, trong đó có 66 người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 66 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: 156.000 cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: 0 người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này là: 0 cổ phần.

**(v) Phương thức và thời gian chào bán**

- Phương thức chào bán: Chào bán trực tiếp cho người lao động

- Thời gian chào bán: Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa và tiến độ triển khai bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài, Tổng công ty tiến hành bán cổ phần cho người lao động theo phương án đã được phê duyệt và thực hiện theo Khoản 10 Điều 1 của Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 bổ sung thêm Khoản 8 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP như sau: *“Những doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đã tiến hành các thủ tục cần thiết theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện được IPO trong thời gian 90 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thì doanh nghiệp được bán trước cổ phần cho người lao động, tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp với giá bán cổ phiếu bằng 60% giá khởi điểm trong phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chênh lệch giữa giá bán cho người lao động, cho tổ chức công đoàn (nếu có) so với mệnh giá cổ phần được trừ vào giá trị phần vốn nhà nước khi quyết toán tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần”.*

**(vi) Xác định giá chào bán**

Theo điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ:

- Chào bán cổ phần ưu đãi cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố GTDN: Giá chào bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.
- Chào bán thêm cho người lao động: Giá chào bán là giá đấu giá thành công thấp nhất.

**1.3. Xử lý cổ phần không bán hết**

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
- Số lượng cổ phần người lao động trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

Ban Chi đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu.

**2. Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán**

Căn cứ thông báo kết quả đấu giá do Đại lý đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần.

Nhà đầu tư được bù trừ tiền thanh toán mua cổ phần và tiền đặt cọc theo quy định tại Khoản 02 điều 10 Thông tư số 196/2011/TT – BTC.

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Đại lý đấu giá (nơi làm thủ tục đăng ký). Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư về Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sau 02 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần.

### 3. Dự toán chi phí cổ phần hóa và quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

#### 3.1. Dự toán chi phí cổ phần hóa

Bảng 38: Dự toán chi phí cổ phần hóa

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp</b>	<b>2.173.000.000</b>
1	Chi phí in ấn, tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa	70.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị doanh nghiệp	125.500.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng Điều lệ	157.500.000
4	Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa.	160.000.000
5	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	1.000.000.000
6	Chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá cổ phần	380.000.000
7	Chi phí Đại hội đồng cổ đông lần đầu	280.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn cổ phần hóa</b>	<b>2.620.400.000</b>
1	Chi phí kiểm toán	365.400.000
2	Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	1.980.000.000
3	Chi phí tư vấn cổ phần hóa	275.000.000
<b>III</b>	<b>Thù lao cho Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc</b>	<b>384.000.000</b>
<b>IV</b>	<b>Các chi phí khác liên quan đến cổ phần hóa</b>	<b>570.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.747.400.000</b>

#### 3.2. Quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Tổng công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 11.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 39: Quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
<b>1</b>	<b>Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b>	<b>4.485.961.122.298</b>
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ Công ty cổ phần</b>	<b>4.500.000.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Vốn Nhà nước tham gia theo phương án cổ phần hóa</b>	<b>2.295.000.000.000</b>
<b>4</b>	<b>Vốn Nhà nước còn lại (1-3)</b>	<b>2.190.961.122.298</b>
4.1	<i>Vốn Nhà nước bán ra bên ngoài (tính theo mệnh giá)</i>	<i>2.190.961.000.000</i>
4.2	<i>Vốn Nhà nước còn lại</i>	<i>122.298</i>
<b>5</b>	<b>Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa (5.1 + 5.2)</b>	<b>2.422.569.600.000</b>
5.1	Thu từ bán cổ phần cho người lao động	6.111.600.000
-	<i>Thu từ bán cổ phần giá ưu đãi (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)</i>	<i>4.395.600.000</i>
-	<i>Thu từ bán cổ phần mua thêm theo số năm cam kết (bằng giá đấu thành công thấp nhất)</i>	<i>1.716.000.000</i>
5.2	Thu từ bán đấu giá cổ phần	2.416.458.000.000
-	<i>Giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt thông qua bán đấu giá</i>	<i>2.410.057.100.000</i>
-	<i>Giá trị cổ phần phát hành thêm thông qua bán đấu giá</i>	<i>6.400.900.000</i>
<b>6</b>	<b>Giá trị bán cổ phần phát hành thêm để lại DN</b>	<b>6.400.900.000</b>
<b>7</b>	<b>Các khoản tiền chi cổ phần hóa (7.1 + 7.2)</b>	<b>7.502.360.509</b>
7.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	5.747.400.000
7.2	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	1.754.960.509
<b>8</b>	<b>Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định [4.2+5-6-7]</b>	<b>2.408.666.461.789</b>

*(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà)*

**Ghi chú:**

Việc tính toán trên dựa trên các yếu tố sau:

- Các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần được chào mua.
- Giá đấu thành công bình quân tạm thời tính bằng giá khởi điểm dự kiến là 11.000 đồng/cổ phần.
- Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa Tổng công ty Sông Đà.

**V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**1. Đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sông Đà**

Ông Đậu Minh Thanh - Vụ trưởng Vụ Quản lý Doanh Nghiệp - Bộ Xây dựng

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**2. Đại diện Tổng Công ty Sông Đà**

Ông Dương Khánh Toàn - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty;



## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Ông Hồ Văn Dũng - Tổng giám đốc Tổng công ty;

Ông Phạm Văn Viết - Kế toán trưởng Tổng công ty.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Tổng Công ty Sông Đà.

### 3. Đại diện tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Ông Lê Mạnh Hùng – Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Sông Đà cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản Công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Tổng Công ty Sông Đà.

## VI. CAM KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ VỀ KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Khi đăng ký bán đầu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Theo Khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo nguyên tắc sau:

*a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm*

*Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;*

*b) Trường hợp doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”.*

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Tổng công ty Sông Đà cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

## VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Rủi ro về kinh tế

Bất kể sự thay đổi nào của tình hình vĩ mô đều làm ảnh hưởng ít hoặc nhiều tới hoạt động của các doanh nghiệp.

#### 1.1. Rủi ro tăng trưởng GDP

Sau sự bứt phá ấn tượng trong năm 2015, kinh tế Việt Nam năm 2016 đã cho thấy sự giảm tốc rõ rệt với tốc độ tăng GDP ước tính tăng 6,21% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2016, chỉ số toàn ngành công nghiệp tăng 7,5% so với năm 2015, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,8% của năm 2015 và 7,6% của năm 2014 do các ngành khai khoáng giảm mạnh. Nền kinh tế trong quý 1 năm 2017 tiếp tục cho thấy dấu hiệu giảm tốc. Tốc độ tăng GDP quý 1 năm 2017 chỉ đạt 5,1% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu mức thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây (quý 1 năm 2015 tăng 6,12%; quý 1 năm 2016 tăng 5,48%). Ngành công nghiệp chỉ tăng 3,85% so với cùng kỳ năm trước, thấp nhất kể từ năm 2011 trở về đây. Trong đó ngành khai khoáng sụt giảm mạnh khoảng 10% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,76 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung; ngành chế biến, chế tạo đạt mức tăng 8,30% (giảm đáng kể so với mức tăng 9,70% của cùng kỳ năm 2015 và 8,94% của cùng kỳ năm 2016), đóng góp 1,46 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 6,10%, thấp hơn tốc độ tăng 8,60% của cùng kỳ năm 2016, đóng góp 0,30 điểm phần trăm. Các khu vực còn lại của nền kinh tế mặc dù cũng ghi nhận sự phục hồi khá nhưng không thể bù đắp cho đà giảm tốc của mức tăng trưởng chung. Với mức tăng trưởng này, kế hoạch tăng trưởng 6,7% trong năm 2017 sẽ tiếp tục là một thử thách lớn và rất khó có thể đạt được.

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành (IIP) trong ba tháng đầu năm 2017 tăng 4,1%, thấp hơn rất nhiều so với con số 6,3% của cùng kỳ năm trước và ghi nhận mức thấp nhất trong 5 năm. Xét về xuất nhập khẩu, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 3 tháng đầu năm 2017 đạt 91,21 tỷ USD, tăng mạnh 19,9% so với cùng kỳ 2016. Trong đó, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt gần 44,64 tỷ USD, tăng 15,1% (cùng kỳ 2016 tăng nhẹ 6,6%); kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 45,6 tỷ USD, tăng mạnh 24,9% (cùng kỳ 2016 giảm 4,4%). Thâm hụt thương mại đến hết quý 1 năm 2017, ước tính khoảng 1,94 tỷ USD.

#### 1.2. Rủi ro lạm phát

Khá tương đồng với diễn biến của cùng kỳ các năm gần đây, CPI trong quý 1 năm 2017 tiếp tục cho

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

thấy sự phụ thuộc tương đối lớn vào yếu tố mùa vụ (dịp Tết Nguyên đán) và việc điều chỉnh giá của các mặt hàng do Nhà nước quản lý (Dịch vụ Y tế và Xăng dầu). Cụ thể, trong tháng 1 năm 2017, CPI ghi nhận mức tăng khá mạnh dưới tác động từ nhu cầu mua sắm theo yếu tố mùa vụ vào dịp Tết Nguyên đán. Trong 2 tháng tiếp theo, CPI hạ nhiệt hơn khi giá cả hàng hóa tiêu dùng điều chỉnh lại sau Tết nhưng vẫn ghi nhận mức tăng nhẹ qua từng tháng khi chịu sức nâng từ việc tăng giá xăng dầu và giá Dịch vụ Y tế, Giáo dục theo lộ trình. Cụ thể trong tháng 3 năm 2017, một số nhóm hàng đóng góp chính có thể kể đến CPI như: (1) nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 7,51% do trong tháng có 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế (tác động làm CPI tăng khoảng 0,38%); (2) nhóm Giáo dục tăng 0,75% (dịch vụ giáo dục tăng 0,87%) do trong tháng tỉnh Thanh Hóa thực hiện lộ trình tăng học phí; (3) nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,5% (giá vật liệu xây dựng tăng 0,53%; giá nước sinh hoạt tăng 0,43%; giá điện sinh hoạt tăng 0,26%) và (4) nhóm Giao thông tăng 0,39% chủ yếu do ảnh hưởng của lần điều chỉnh tăng giá xăng, dầu tại thời điểm 18/2/2017 (tác động làm CPI chung tăng khoảng 0,04%).

Diễn biến CPI trong thời gian tới dự báo sẽ tiếp tục có mối tương quan lớn vào lộ trình và việc điều chỉnh giá, nếu có, của các mặt hàng dưới sự điều hành của Chính phủ và cơ quan điều hành hiện vẫn đang giữ vị thế khá chủ động để hướng tới mức lạm phát mục tiêu.

### 1.3. Rủi ro tỷ giá

Trong quý 1 năm 2017, tỷ giá tham chiếu trung tâm thể hiện rõ xu hướng tăng khi liên tiếp được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều chỉnh nhích dần, đến 31/03/2017, được niêm yết ở mức 22.276 VND/USD, tăng khoảng 0,53% kể từ đầu năm và 1,92% so với cùng kỳ 2016, xu hướng này vẫn tiếp tục trong những tuần đầu của tháng 4. Trong khi đó, tỷ giá của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) ghi nhận nhiều biến động hơn khi giảm khá nhanh trong tháng 1, nóng trở lại từ giữa tháng 2 và sau đó hạ nhiệt dần từ cuối tháng 3, tuy nhiên mức giảm không nhiều. Hiện tại, tỷ giá bán tại nhiều NHTM hiện phổ biến vào khoảng 22.790 VND/USD gần tương đương với thời điểm cuối năm 2016.

Dự báo tỷ giá trong năm 2017 chịu nhiều sức ép hơn so với năm 2016 do (1) Yếu tố đầu tiên phải kể đến là tác động từ thị trường quốc tế, đặc biệt là kịch bản đồng USD mạnh lên khi được hỗ trợ bởi lộ trình tăng lãi suất của FED với khả năng rất cao quá trình này sẽ diễn ra nhanh và tần suất nhiều lần hơn (có thể còn 2 hoặc nhiều lần hơn trong phần còn lại của năm); (2) Xét trên phương diện cung cầu ngoại tệ trong nước, mặc dù chưa nhìn thấy sự đột biến về cầu ngoại tệ thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế nhưng ở chiều ngược lại, nguồn cung ngoại tệ đã cho thấy không còn dồi dào như năm 2016 do (i) nhập siêu trở lại và (ii) khiếu hối có chiều hướng giảm tương đối mạnh; (3) Bên cạnh đó, khi xu hướng giảm giá của đồng VND đã được kỳ vọng và có sự tương quan lớn với những biến động trên thị trường thế giới thì tâm lý đầu cơ sẽ ngày một lớn dần và cũng là một yếu tố gây sức ép đáng kể đến tỷ giá và thị trường ngoại hối.

### 1.4. Rủi ro lãi suất

Trong quý 1 năm 2017, lãi suất huy động ghi nhận mức tăng cục bộ khoảng vài chục điểm cơ bản ở các kỳ hạn tại một số ngân hàng vừa và nhỏ. Tuy nhiên, khi xét chung cả hệ thống, mặt bằng lãi suất huy động không có nhiều thay đổi so với đầu năm, trần lãi suất huy động 5,5% cho các kỳ hạn dưới 6 tháng được đảm bảo, phổ biến trong khoảng 4,3% - 5,5%/năm. Lãi suất huy động từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay khá ổn định, phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm đối với ngắn hạn và 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay từ 4%-5%/năm.

Mặt bằng lãi suất đến hết năm 2017 dự báo sẽ vẫn tiếp tục chịu áp lực với (1) những vấn đề còn tồn tại trong hệ thống ngân hàng như việc thiếu hụt thanh khoản do giai đoạn gần đây một số ngân hàng liên tục phát hành chứng chỉ tiền gửi với lãi suất cao làm gia tăng đáng kể áp lực cạnh tranh huy động nhằm mục đích tăng vốn và đáp ứng các tỷ lệ an toàn và (2) những biến động trên thị trường thế giới, đặc biệt là lộ trình tăng lãi suất của FED đi cùng rủi ro tỷ giá. Mặc dù NHNN vẫn còn dư địa để điều tiết thị trường và đảm bảo định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh thị trường ngoại hối dần bình ổn trở lại sau lần tăng lãi suất gần nhất của FED vào tháng 3 vừa qua nhưng lãi suất dự kiến sẽ khó giảm thêm trong thời gian tới.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà.

## **3. Rủi ro đặc thù ngành hoạt động**

### **3.1. Rủi ro liên quan đến các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng**

Hiện nay, Tổng công ty Sông Đà là một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng và thi công các công trình trọng điểm trên cả nước. Chủ đầu tư của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng là các cơ quan nhà nước thường đầu tư vào nhiều dự án, các công trình xây dựng cùng một thời điểm mà chưa thu xếp đủ các nguồn vốn. Các dự án do Chính phủ đầu tư đòi hỏi nguồn vốn rất lớn cho xây dựng, thời gian thi công công trình kéo dài trong khi việc nghiệm thu, quyết toán bàn giao được thực hiện từng phần với tiến độ chậm. Thực tế ở Việt Nam, việc giải ngân vốn của các dự án xây dựng thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ

đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian. Điều đó góp phần làm chậm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động. Do đó, Tổng công ty Sông Đà thường xuyên phải duy trì hệ số đòn bẩy tài chính ở mức cao. Việc duy trì hệ số đòn bẩy tài chính cao có thể gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Tổng công ty Sông Đà không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Tổng công ty Sông Đà bị phá sản.

Ngoài ra, trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng các tòa nhà cao tầng, có nhiều rủi ro và tai nạn lao động liên quan đến các hoạt động này. Các rủi ro này có thể dẫn tới tổn thương người lao động, làm thiệt hại hoặc phá hủy tài sản hoặc các phương tiện sản xuất, gián đoạn hoạt động kinh doanh, có thể phải gánh chịu các nghĩa vụ pháp lý, bị tổn hại uy tín kinh doanh và hình ảnh của Tổng công ty Sông Đà như:

- Các tai nạn xây dựng liên quan tới an toàn lao động;
- Hồng hóc trang thiết bị thi công cũng như các trục trặc về bảo trì mà không thể lường trước được;
- Điều kiện thời tiết không thuận lợi, bão hoặc lũ bất ngờ.

Khi xảy ra bất kỳ sự cố nào kể trên đều có thể gây ảnh hưởng xấu đến tình hình hoạt động và doanh thu, hoặc làm tăng chi phí sản xuất, do đó làm giảm lợi nhuận thu được từ các hoạt động của Tổng công ty Sông Đà. Hơn nữa, bất kỳ sự kiện nào kể trên, và những hậu quả của chúng có thể không được bảo hiểm hoặc không được bảo hiểm toàn bộ trong các hợp đồng bảo hiểm của Tổng công ty Sông Đà dẫn đến lỗ hoặc ảnh hưởng tới các nghĩa vụ thanh toán mà Tổng công ty Sông Đà có thể phải gánh chịu hoặc phải thanh toán.

Dự án đầu tư Hàm đường bộ qua đèo Ngang phần mở rộng do Tổng công ty Sông Đà đầu tư theo hình thức BOT đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 999/QĐ-BGTVT ngày 01/6/2016 làm cơ sở để Tổng công ty Sông Đà thực hiện các bước tiếp theo. Tuy nhiên ngày 24/4/2017, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiến nghị chưa triển khai hạng mục mở rộng hàm đường bộ qua Đèo Ngang trong giai đoạn hiện nay. Nếu kiến nghị của Bộ Giao thông Vận tải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Tổng công ty Sông Đà.

### **3.2. Rủi ro liên quan đến các dự án thủy điện**

Các dự án thủy điện phụ thuộc vào nguồn nước của các con sông và lượng mưa để vận hành nên khả năng sản xuất điện bị ảnh hưởng bởi yếu tố tự nhiên như thời tiết và nguồn nước. Những thay đổi tiêu cực về thời tiết có thể ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của các nhà máy thủy điện, từ đó có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD chung của toàn Tổng công ty Sông Đà.

Dự án thủy điện Xekaman 3 có công suất 250MW được xây dựng tại huyện Đăk Chung, tỉnh Sé Kông, nước CHDCND Lào do Công ty TNHH Điện Xekaman 3 (Công ty con của Công ty CP điện

Việt Lào) làm chủ đầu tư. Tổng công ty Sông Đà là cổ đông của Công ty cổ phần điện Việt Lào và là Tổng thầu xây lắp công trình thủy điện Xêkaman 3. Dự án được khởi công ngày 05/4/2006, sau 7 năm xây dựng Công trình đã hoàn thành toàn bộ công tác xây lắp vào ngày 12/5/2013, đưa nhà máy vào vận hành phát điện thương mại Tổ máy 1 ngày 20/6/2013 và Tổ máy 2 ngày 15/7/2013; Nhà máy đã vận hành phát điện thương mại đến ngày 16/12/2016 thì xảy ra sự cố, Tổng công ty Sông Đà với vai trò là Tổng thầu xây lắp và các đơn vị có liên quan đã khẩn trương huy động lực lượng để thực hiện công tác cứu hộ và đã hoàn thành ngày 21/01/2017; Đồng thời thuê tư vấn độc lập để giám định, đánh giá nguyên nhân trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Hiện nay Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành các thủ tục về thiết kế, vốn đầu tư; đồng thời chuẩn bị lực lượng để thi công ngay khi thiết kế được phê duyệt và được Chính phủ Lào cho phép, nhằm đưa nhà máy phát điện trở lại an toàn, ổn định trong thời gian sớm nhất theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ Việt Nam và Lào.

### **3.3. Rủi ro biến động tỉ giá hối đoái**

Hiện nay, nguồn thu ngoại tệ của Tổng công ty Sông Đà và các công ty con không nhiều trong khi đó lại có các khoản vay nợ bằng ngoại tệ, như đồng EURO, đồng Đô la Mỹ. Sự mất giá của tiền Đồng Việt Nam có thể dẫn đến lỗ chênh lệch tỷ giá.

### **3.4. Rủi ro về thoái vốn tại các đơn vị**

Tổng công ty Sông Đà đã và đang triển khai mạnh mẽ quá trình tái cấu trúc lại trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất các công ty cấp 2 và thực hiện thoái vốn các đơn vị, các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà. Việc thoái vốn này nếu tiến hành khi đã chuyển sang Công ty cổ phần thì có thể sẽ xuất hiện khoản lỗ tương ứng với phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế bán được.

## **4. Rủi ro của đợt chào bán**

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Sông Đà có thể chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không thành công như kỳ vọng, tức tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, cụ thể như sau:

“Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần sau khi Công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.”

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Tổng công ty Sông Đà so với cơ cấu dự kiến, đồng thời, làm giảm thặng dư vốn cổ phần, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà sau khi cổ phần hóa.

### 5. Rủi ro khác

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), rủi ro, tai nạn (cháy, nổ...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải.

Ngoài ra, các rủi ro khác như dịch họa, chiến tranh và khủng bố. v.v. là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và Tổng công ty Sông Đà nói riêng.

## VIII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà trước khi đăng ký mua cổ phần. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Sông Đà cung cấp và được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thông qua, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá.

10/10/10



10/10/10

10/10/10





Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2017

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - TNHH MTV  
THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO



VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đậu Minh Thanh

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - TNHH MTV

CHỦ TỊCH HĐQT



Dương Khánh Toàn

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Dũng

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Văn Việt

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC  
*Lê Mạnh Hùng*